|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn:  Tiết theo KHDH: 34 | Ngày dạy: |

**Chương II: SỐ NGUYÊN**

**§ 1: SỐ NGUYÊN ÂM**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* HS được học các kiến thức về:

- Nhận biết số nguyên âm. Đọc và viết số nguyên âm.

- Ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn như: chỉ nhiệt độ dưới  ; chỉ độ cao dưới mực nước biển; chỉ số tiền nợ, số tiền lỗ trong kinh doanh; chỉ thời gian trước công nguyên.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: chuyển đổi ngôn ngữ từ đọc, viết số sang kí hiệu số, đọc hiểu thông tin từ bảng, hình ảnh.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: nhận biết được điểm tương đồng và khác biệt của số mới và số tự nhiên; nhận biết được số nào là số nguyên âm, cùng với lí giải cho câu trả lời; chỉ ra chứng cứ để xác định tính đúng – sai của một phát biểu.

- Năng lực mô hình hóa toán học: Sử dụng số nguyên âm để biểu thị nhiệt độ dưới ; độ cao dưới mực nước biển; số tiền nợ, số tiền lỗ trong kinh doanh; chỉ thời gian trước công nguyên.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:**

- SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ, máy chiếu, phiếu học tập.

- Video bản tin dự báo thời tiết trên VTC 14 ngày 25 tháng 11 năm 2017.

(Đường link: https://www.youtube.com/watch?v=5-xUD2RdIU4)

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 7 phút)

**a) Mục tiêu :**

- HS bước đầu nhận ra sự tồn tại của các con số trong bản tin dự báo thời tiết.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu:

- Xem video bản tin dự báo thời tiết trên VTC 14 ngày 25 tháng 11 năm 2017.

- Các số có gì đặc biệt?

A screen shot of a phone

Description automatically generated with low confidence

**c) Sản phẩm:** Chỉ ra được điểm đặc biệt của các số  (có dấu “ - ” đằng trước)

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4:  - Xem video bản tin dự báo thời tiết trên VTC 14 ngày 25 tháng 11 năm 2017.  - Ghi lại các số mới em chưa biết *(**)* trong bản tin thời tiết. Chỉ ra điểm đặc biệt của các số này?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Xem video bản tin dự báo thời tiết.  - Thảo luận nhóm, viết các kết quả.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Các số mà các em vừa xem trong video và các số chỉ nhiệt độ dưới  ở đầu trang 61 SGK có phải là số tự nhiên không? Nó là loại số gì? | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhóm | Các số mới em chưa biết | Điểm đặc biệt của các số này | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  | | ….. |  |  |   - Các số mới: .  - Các số này có dấu “ - ” đằng trước. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được khái niệm số nguyên âm (dưới dạng mô tả), nhận biết số nguyên âm, đọc và viết số nguyên âm.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu đọc SGK phần khung xanh (kiến thức trọng tâm) và phần đinh ghim (lưu ý). Nêu được khái niệm số nguyên âm (dưới dạng mô tả), chỉ ra cách nhận biết số nguyên âm. Cách đọc và cách viết số nguyên âm.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS đọc khung xanh và phần đinh ghim rồi cho biết:  *+ Thế nào là số nguyên âm?*  *+ Cách nhận biết số nguyên âm?*  *+ Nêu cách đọc, cách viết một số nguyên âm?*  *+ Lấy ví dụ một số nguyên âm rồi đọc và viết số đó.*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc SGK phần khung xanh, đinh ghim rồi lần lượt trả lời các câu hỏi trên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Với mỗi câu hỏi, GV yêu cầu vài HS đưa ra đáp án.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV giới thiệu khái niệm số nguyên âm, cách nhận biết, cách đọc, cách viết như SGK trang 61, yêu cầu vài HS đọc lại. | **\* Khái niệm số nguyên âm:**  - Các số ,… là các số nguyên âm.  **\* Cách nhận biết:**  - Số nguyên âm được nhận biết bằng dấu “ - ” ở trước số tự nhiên khác 0.  **\* Cách đọc, viết số nguyên âm:**  - Số nguyên âm  đọc là âm năm hoặc trừ năm.  - Âm ba (hoặc trừ ba) được viết là . |

**3. Hoạt động luyện tập** (12 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được cách đọc số nguyên âm khi biết cách viết; viết được số nguyên âm khi biết cách đọc; nhận biết được số nào là số nguyên âm, số nào không phải là số nguyên âm.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm ví dụ và luyện tập 1 SGK trang 61.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải ví dụ và luyện tập 1 SGK trang 61.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Hoạt động cá nhân làm Ví dụ SGK trang 61.  - Hoạt động theo cặp làm bài luyện tập 1 SGK trang 61.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:** Chú ý vận dụng kiến thức trong khung xanh và đinh ghim để trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Lời giải ví dụ.  - Kết quả luyện tập 1.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. | **Ví dụ:**  **a) Đọc các số:**  Các số đã cho lần lượt đọc là: âm mười bảy, âm hai mươi tám, âm tám mươi tư.  **b) Viết các số sau: âm chín, trừ ba mươi, âm bốn trăm ba mươi hai.**  Các số đã cho lần lượt viết là: .  c**) Số nào là số nguyên âm, số nào không là số nguyên âm trong các số sau: ?**  \* Số  là số nguyên âm.  \* Số  và  không là số nguyên âm.  **Luyện tập 1:**  **a) Đọc số : .**  đọc là âm năm mươi tư.  **b) Viết số: âm chín mươi.**  âm chín mươi viết là . |

**4. Hoạt động vận dụng** (14 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học về số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn như: chỉ nhiệt độ dưới ; chỉ độ cao dưới mực nước biển; chỉ số tiền nợ, số tiền lỗ trong kinh doanh; chỉ thời gian trước công nguyên.

**b) Nội dung:**

-HS được yêu cầu đọc phần số nguyên âm được sử dụng trong nhiều tình huống thực tiễn cuộc sống (SGK – trang 62) và hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1.

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập số 1

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS đọc phần số nguyên âm được sử dụng trong nhiều tình huống thực tiễn cuộc sống (SGK – trang 62) và hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc phần số nguyên âm được sử dụng trong nhiều tình huống thực tiễn cuộc sống (SGK – trang 62).  - HS hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV tổ chức cho các nhóm (chọn 2 nhóm) báo cáo kết quả tìm hiểu.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả tìm hiểu. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, đánh giá hoạt động của các nhóm.  - GV tổng kết nội dung bài học qua **sơ đồ tư duy**. (phần phụ lục) | **Câu 1:** Số nguyên âm được sử dụng để:  **-** chỉ nhiệt độ dưới ;  - chỉ độ cao dưới mực nước biển;  - chỉ số tiền nợ, số tiền lỗ trong kinh doanh;  - chỉ thời gian trước công nguyên.  **Câu 2:**  A – 2; B – 4; C – 1; D – 3  **Câu 3:**  a) Sai  b) Đúng |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Làm các bài tập 1 đến 4 SGK trang 63.

- Đọc nội dung phần có thể em chưa biết.

**Phụ lục**

1. Phiếu học tập

**Nhóm:**………………………………**Lớp:**…………………………….

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

***Yêu cầu:*** Đọc phần số nguyên âm được sử dụng trong nhiều tình huống thực tiễn cuộc sống (SGK – trang 62) và trả lời các câu hỏi sau.

**Câu 1:** Số nguyên âm được sử dụng trong các tình huống thực tiễn nào?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**Câu 2:** Nối mỗi dòng ở cột bên trái với một dòng ở cột bên phải để được khẳng định đúng.

|  |  |
| --- | --- |
| A. | 1. biểu thị nhiệt độ 3 độ dưới 0 0C. |
| B.  đồng | 2. biểu thị tàu ngầm đang ở vị trí dưới mực nước biển 20 m. |
| C. | 3. biểu thị nhà toán học Euclid sinh năm 330 trước Công nguyên. |
| D. | 4. biểu thị nợ 800 000 đồng. |

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**Câu 3:** Xác định tính đúng, sai của mỗi phát biểu sau:

a) Độ cao trung bình của tàu ngầm là , nghĩa là tàu ngầm ở vị trí trên 20m so với mực nước biển.

b) Nhà toán học Ta-lét (Thales) sinh năm , nghĩa là ông sinh năm 625 trước Công nguyên.

Diagram, schematic

Description automatically generated

2. Sơ đồ tư duy bài số nguyên âm

Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: 35, 36 |  |

**§2: TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* HS được học các kiến thức về:

Tập hợp các số nguyên, biểu diễn số nguyên trên trục số, thứ tự trong tập hợp các số nguyên, so sánh hai số nguyên, số đối của một số nguyên, ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu được khái niệm phân số với tử và mẫu là các số nguyên,tính chất cơ bản của phân số.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hình thành hệ thống các phần tử của tập hợp các số nguyên, biểu diễn được số nguyên trên trục số, thứ tự trong tập hợp các số nguyên, so sánh được hai số nguyên, hình thành khái niệm hai số đối nhau; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (8 phút)

- Trò chơi: “Biên tập viên”

**a) Mục tiêu :**

- HS bước đầu hình thành cấu trúc của tập hợp các số nguyên.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu:

- Lắng nghe nội dung bản tin dự báo thời tiết, ghi các số liệu đã xuất hiện trong bản tin.

- Viết tập hợp các số chỉ nhiệt độ trong bản tin và phân loại các số vừa nghe được.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 8 (lớp chia thành 4 nhóm): (các bạn không sử dụng SGK trong quá trình chơi).  - Các bạn HS với vai trò là các thực tập sinh cho vị trí biên tập viên dự báo thời tiết cần vượt qua thử thách chắt lọc thông tin dựa vào khả năng nghe mà không có hình ảnh minh họa, nhiệm vụ của các bạn là lắng nghe bản tin dự báo thời tiết và ghi lại nhiệt độ thấp nhất của thành phố Niu Oóc (New York) Mỹ trong các ngày từ 06/01/2020 (thứ Hai) đến 12/01/2020 (Chủ nhật).  “Kính chào quý vị, chúng ta đang trải qua những ngày lạnh nhất trong đợt rét thứ ba của mùa đông năm nay. Hôm nay, thứ Hai (06/01/2020), thủ đô Washingtơn, nhiệt độ đã xuống mức , nhiệt độ thấp nhất trong ngày của thành phố Los Ageles là , ở thành phố New York nhỉnh hơn một chút, nhiệt độ thấp nhất trong ngày là . Ngày mai, thứ Ba tuy thời tiết có ấm áp hơn một chút, nhiệt độ thấp nhất dự kiến là , nhưng ba ngày tiếp theo, thời tiết sẽ chuyển biến xấu: thứ Tư trời nhiều mây, có tuyết, nhiệt độ thấp nhất trong ngày là , giữa trưa có thể có nắng nhẹ, nhiệt độ cao nhất là ; thứ Năm, trời nhiều mây, tuyết rơi nhiều, là ngày rét nhất trong tuần với mức nhiệt thấp nhất là ; thứ Sáu, tuyết sẽ ngớt, tuy nhiên trời vẫn chưa có nắng, nhiệt độ thấp nhất trở lại ngưỡng dương, là . Tin vui là chúng ta sẽ có những ngày cuối tuần đẹp trời với mức nhiệt thấp nhất của ngày thứ Bảy và Chủ Nhật lần lượt là  và . Và tiếp theo sẽ là thông tin dự báo thời tiết cho một số thành phố trên cả nước. Chúc quý vị và các bạn một tuần làm việc hiệu quả. Xin kính chào và hẹn gặp lại. (Giáo viên phát nhạc kết của bản tin dự báo thời tiết).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Lắng nghe, ghi chép số liệu vào phiếu GV phát.  - Thảo luận nhóm viết các kết quả.  Text  Description automatically generated with medium confidence  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV treo kết quả của 4 nhóm lên bảng, chiếu đáp án của GV và so sánh.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: ở chương trình Toán 6, ta đã được học tập hợp các số tự nhiên và về các số nguyên âm, vậy có tập hợp nào chứa tất cả các loại số trên hay không? | Graphical user interface, application, website  Description automatically generated |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (35 phút)

**Hoạt động 2.1: Tập hợp**  **các số nguyên** (7 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được số nguyên dương, tập hợp các số nguyên

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu đọc trả lời các câu hỏi trong phần hoạt động 1, trả lời được thế nào là số nguyên dương, cấu trúc của tập hợp các số nguyên.

- Làm các bài tập: Ví dụ 1, Ví dụ 2, Luyện tập 1, Luyện tập 2 (SGK trang 64).

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu học sinh chỉ ra các số nguyên âm vừa thống kê trong trò chơi và nêu cách nhận biết số nguyên âm (đã được học ở buổi trước), từ đó nêu ra phán đoán thế nào là số nguyên dương.  - Số 0 có phải là số nguyên âm hay số nguyên dương không?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS trả lời các số nguyên âm đã liệt kê trước đó, nêu cách nhận biết: Số nguyên âm được nhận biết bằng dấu “–” ở trước số tự nhiên khác 0.  - HS nêu dự đoán.  - HS đọc khái niệm SGK, quan sát, chú ý cách viết số nguyên dương dạng có dấu với không có dấu ở trước.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Với mỗi câu hỏi, GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV giới thiệu số nguyên dương như SGK trang 64, yêu cầu vài HS đọc lại.  - GV nêu chú ý trong SGK trang 64. | **1. Tập hợp**  **các số nguyên**  **a) Số nguyên dương**  Số tự nhiên khác 0 còn được gọi là số nguyên dương.  *Chú ý:*  *-* Số 0 không phải là số nguyên âm, cũng không phải là số nguyên dương.  - Số nguyên dương 1, 2, 3, ... đều mang dấu “+” nên còn được viết là , , . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động cặp đôi làm Hoạt động 1 SGK trang 64.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  - HS đọc khái niệm SGK, quan sát, cách viết ký hiệu tập hợp các số nguyên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Lời giải Hoạt động 1.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  - Qua Hoạt động 1, GV giới thiệu tập hợp các số nguyên. | **b) Tập hợp**  **các số nguyên**  *Hoạt động 1:*  a) Tập hợp các số chỉ nhiệt độ trong bản tin dự báo thời tiết ở trên là:    b) Tập hợp trên gồm số 0; số nguyên âm, số nguyên dương.  \*) Các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương tạo thành tập hợp các số nguyên.  \*) Tập hợp các số nguyên được ký hiệu là . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 1 SGK trang 64.  - Hoạt động cá nhân, lấy thêm ví dụ về 1 số là số nguyên và 1 số không là số nguyên (đứng tại chỗ trả lời).  - Hoạt động theo cặp làm bài Ví dụ 2 SGK trang 64.  - Hoạt động cá nhân làm Luyện tập 1 SGK trang 64.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Kết quả Ví dụ 1.  - Trả lời miệng ví dụ về 1 số là số nguyên và 1 số không là số nguyên.  - Kết quả Ví dụ 2, giải thích.  - Kết quả Luyện tập 1.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  - GV lưu ý lại cho học sinh: số 0 là số tự nhiên nhưng không là số nguyên dương. | **Ví dụ 1 (SGK trang 64)**  Trong các số; 0; ; ;  thì các số nguyên là ; 0; ; các số ;  không là các số nguyên.  **Ví dụ 2 (SGK trang 64)**  a) Đúng  b) Sai  **Luyện tập 1 (SGK trang 64)**  a)  b) |

**Hoạt động 2.2: Biểu diễn số nguyên trên trục số** (7 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được cách vẽ trục số, biểu diễn các số trên trục số, vị trí các số nguyên âm, số nguyên dương so với điểm 0 trên trục số.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu làm HĐ2 SGK trang 65 từ đó nhận xét về vị trí các loại số trên trục số; làm bài Ví dụ 3, Luyện tập 2 SGK trang 66.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Vị trí các loại số trên trục số.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV chiếu lại tia số đã học ở bài tập hợp các số tự nhiên.    Dẫn dắt đến việc để biểu diễn các số nguyên, người ta dùng trục số.  - HS hoạt động nhóm 4 quan sát hình ảnh 2 loại trục số mà GV chiếu (trục số nằm ngang và trục số thẳng đứng), kết hợp đọc thông tin để điền vào bảng đặc điểm mỗi loại trục số mà GV phát.       |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Trục số nằm ngang** | **Trục số thẳng đứng** | | **Chiều dương (Chiều mũi tên) hướng từ:** |  |  | | **Điểm gốc của trục số là:** |  |  | | **Đơn vị đo độ dài trên trục số là đoạn thẳng nối** điểm 0 với điểm 1. Điểm 1 là điểm biểu diễn số 1 và nằm ở |  |  |   - Hoạt động cá nhân thực hiện HĐ2 trong SGK trang 65.  - Nhận xét vị trí các số nguyên âm, số nguyên dương so với điểm 0 trên trục số.  - Làm bài Ví dụ 3 SGK trang 66.  - Hoạt động cá nhân làm bài Luyện tập 2 SGK trang 66.  - Đọc Chú ý SGK trang 66.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trả lời Hoạt động 2a, HS lên bảng điền kết quả của Hoạt động 2b.  - GV yêu cầu vài HS nhận xét vị trí các số nguyên âm, số nguyên dương so với điểm 0 trên trục số.  - HS đứng tại chỗ trả lời Ví dụ 3 SGK trang 66.  - HS lên bảng biểu diễn các số trên trục số trong Luyện tập 2 SGK trang 66 (1 bạn biểu diễn trên trục số nằm ngang, 1 bạn biểu diễn trên trục số thẳng đứng).  - Đọc Chú ý SGK trang 66.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ2.  - Nhận xét và chính xác hóa kết quả của Ví dụ 3.  - Nhận xét và chính xác hóa kết quả của Luyện tập 2.  - Nêu chú ý: Khi nói “trục số” mà không nói gì thêm, ta hiểu là nói về trục số nằm ngang. | **2. Biểu diễn số nguyên trên trục số**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Trục số nằm ngang** | **Trục số thẳng đứng** | | **Chiều dương (Chiều mũi tên) hướng từ:** | Trái sang phải | Dưới lên trên | | **Điểm gốc của trục số là:** | Điểm 0 | Điểm 0 | | **Đơn vị đo độ dài trên trục số là đoạn thẳng nối** điểm 0 với điểm 1. Điểm 1 là điểm biểu diễn số 1 và nằm ở: | bên phải điểm 0 | phía trên điểm 0 |   *Hoạt động 2:*  a) Điểm ; ;  nằm ở bên trái điểm 0, điểm 3; 5 nằm ở bên phái điểm 0.  b)    \*) Trên trục số nằm ngang, điểm biểu diễn số nguyên âm nằm bên trái điểm 0, điểm biểu diễn số nguyên dương nằm bên phải điểm 0.  \*) Trên trục số thẳng đứng, điểm biểu diễn số nguyên âm nằm phía dưới điểm 0, điểm biểu diễn số nguyên dương nằm phía trên điểm 0.  **Ví dụ 3 (SGK trang 66)**  **Luyện tập 2 (SGK trang 66)**    *Chú ý:* Khi nói “trục số” mà không nói gì thêm, ta hiểu là nói về trục số nằm ngang. |

**Hoạt động 2.3: Số đối của một số nguyên** (7 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được khái niệm hai số đối nhau.

- HS vận dụng được khái niệm để tìm số đối của một số nguyên.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ3 SGK trang 66 từ đó phát biểu khái niệm hai số đối nhau theo ý hiểu.

- Vận dụng làm Ví dụ 4 SGK trang 67.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Khái niệm hai số đối nhau.

- Lời giải HĐ 3 SGK trang 66, Ví dụ 4, Luyện tập 3 SGK trang 67.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Hoạt động cá nhân:  - Thực hiện HĐ3 trong SGK trang 66.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện HĐ3.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ3.  - GV giới thiệu  và 4 là hai số đối nhau do nằm về hai phía của 0 và cách đều gốc 0. | **3. Số đối của một số nguyên**  *Hoạt động 3:*  a) Điểm biểu diễn số 4 cách điểm gốc 0 là 4 đơn vị.  b) Điểm biểu diễn số  cách điểm gốc 0 là 4 đơn vị.  c) Khoảng cách từ điểm biểu diễn các số  và 4 đến điểm gốc 0 là bằng nhau. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  Hoạt động cá nhân:  - Thế nào là hai số đối nhau?  - Tìm số đối của 0.  - Đọc Nhận xét SGK trang 66.  - Làm Ví dụ 4 SGK trang 67.  - Thực hiện Luyện tập 3 SGK trang 67.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu vài HS phát biểu thế nào là hai số đối nhau?  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm Ví dụ 4.  - GV yêu cầu 2 HS đứng tại chỗ làm Luyện tập 3.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa, chuẩn hóa các khái niệm hai số đối nhau, kết quả Ví dụ 4, Luyện tập 3. | \*) Trên trục số, hai số nguyên (phân biệt) có điểm biểu diễn nằm về hai phía của gốc 0 và cách đều gốc 0 được gọi là hai số đối nhau.  \*) Số đối của 0 là 0.  *Nhận xét:*  +)  và 4 là hai số đối nhau.  +)  là số đối xủa 4 và 4 là số đối của .  ***Ví dụ 4:*** Số đối của các số, , ,  lần lượt là 15, 18, 0, .  **Luyện tập 3 (SGK trang 67)**  và 3 là hai số đối nhau.  và 3 là hai số nguyên không đối nhau. |

**Hoạt động 2.4: So sánh các số nguyên** (14 phút)

**Hoạt động 2.4.1: So sánh hai số nguyên**

**a) Mục tiêu:**

- HS học được khi nào số  nhỏ hơn (lớn hơn) số .

- HS vận dụng nguyên tắc để so sánh các số nguyên dựa vào quan sát trục số.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ4 SGK trang 67 từ đó dự đoán sự liên quan giữa việc so sánh hai số  và  với vị trí của 2 số  và  trên trục số.

- Vận dụng làm Ví dụ 5; 6 SGK trang 67; Ví dụ 7, Luyện tập 4 SGK trang 68.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Nguyên tắc so sánh hai số nguyên dựa vào vị trí của chúng trên trục số.

- Lời giải HĐ4 SGK trang 67, Ví dụ 5; 6 SGK trang 67; Ví dụ 7, Luyện tập 4 SGK trang 68.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Thực hiện HĐ4 SGK trang 67.  - Phán đoán sự liên quan giữa việc so sánh hai số  và  với vị trí của 2 số  và  trên trục số bằng cách liên hệ từ việc so sánh 2 số tự nhiên bất kì, nhận xét vị trí của chúng trên tia số.  - Làm Ví dụ 5, nêu nhận xét về điểm đặc biệt khi so sánh 1 số nguyên dương hoặc 1 số nguyên âm với số 0.  - Làm Ví dụ 6, nêu điều có thể rút ra nếu có  và .  - Làm Ví dụ 7 SGK trang 67; 68.  - Thực hiện Luyện tập 4 SGK trang 68.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  - Luyện tập 4 thực hiện nhóm bàn.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện HĐ4.  - GV yêu cầu vài HS phát biểu dự đoán vị trí của  và  trên trục số quyết định như nào đến việc so sánh  và .  - GV yêu cầu 2 HS đứng tại chỗ trình bày lời giải Ví dụ 5; 1 HS đứng tại chỗ nêu nhận xét.  - GV yêu cầu 3 HS đứng lên bảng trình bày Ví dụ 6; 1 HS đứng tại chỗ nêu nhận xét.  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng trình bày Ví dụ 7.  - GV yêu cầu nhóm thực hiện nhanh nhất lên bảng làm bài Luyện tập 4.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ4, Ví dụ 5; 6; 7 và Luyện tập 4.  - GV nhắc lại cho HS cách viết  và  bằng kí hiệu toán học; lưu ý khi so sánh các loại số nguyên với số 0; tính chất bắc cầu khi so sánh. | **4. So sánh các số nguyên**  **4.1: So sánh hai số nguyên**  *Hoạt động 4:*  a) Trên trục số nằm ngang, điểm  nằm bên trái điểm 2.  b) Trên trục số thẳng đứng, điểm  nằm bên dưới điểm 1.  \*) Trên trục số nằm ngang, nếu điểm  nằm bên trái điểm  thì số nguyên  nhỏ hơn số nguyên .  \*) Trên trục số thẳng đứng, nếu điểm  nằm phía dưới điểm  thì số nguyên  nhỏ hơn số nguyên .  \*) Nếu  nhỏ  thì ta viết  hoặc .  **Ví dụ 5:**  - Điểm  nằm bên trái điểm 0 nên .  - Điểm  nằm bên phải điểm 0 nên  ***Lưu ý:*** Số nguyên dương luôn lớn hơn 0. Số nguyên âm luôn nhỏ hơn 0.  **Ví dụ 6:** Ta có:,  và .  ***Lưu ý:***  Nếu  và  thì .  **Ví dụ 7:**  a) Điểm  nằm bên trái điểm  nên  nhỏ hơn  và viết .  b) Điểm 2 nằm bên phải điểm  nên 2 lớn hơn  và viết .  **Luyện tập 4 (SGK trang 68)**  Các số theo thứ tự tăng dần: , , , , . |

**Hoạt động 2.4.2: Cách so sánh hai số nguyên**

**Hoạt động 2.4.2.1. So sánh hai số nguyên khác dấu**

**a) Mục tiêu:**

- HS học được cách so sánh hai số nguyên khác dấu.

- HS vận dụng được quy tắc trên để so sánh hai số nguyên khác dấu.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ5 SGK trang 48 từ đó phát biểu cách so sánh hai số nguyên khác dấu.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

- Quy tắc so sánh hai số nguyên khác dấu.

- Lời giải HĐ5 SGK trang 68.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Thực hiện HĐ5 trong SGK trang 68  - Nêu cách so sánh hai số nguyên khác dấu.  - So sánh nhanh hai số nguyên khác dấu bất kì mà HS trong lớp đưa ra.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS lên bảng biểu diễn số trên trục số và viết kết quả so sánh.  - GV yêu cầu vài HS phát biểu cách so sánh hai số nguyên khác dấu.  - GV yêu cầu 1 HS đứng tại chỗ lấy 2 số nguyên khác dấu bất kỳ, 1 HS khác so sánh 2 số đó.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ5, chuẩn hóa quy tắc so sánh hai số nguyên khác dấu, kết quả phép so sánh do HS đưa ra. | **4.2: Cách so sánh hai số nguyên**  **a) So sánh hai số nguyên khác dấu**  *Hoạt động 5:*      \*) Số nguyên âm luôn nhỏ hơn số nguyên dương. |

**Hoạt động 2.4.2.2. So sánh hai số nguyên cùng dấu**

**a) Mục tiêu:**

- HS học được cách so sánh hai số nguyên cùng dấu.

- HS vận dụng được quy tắc trên để so sánh hai số nguyên cùng dấu.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ6 SGK trang 48 từ đó phát biểu cách so sánh hai số nguyên cùng dấu.

- Vận dụng làm Luyện tập 5 SGK trang 69.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

- Quy tắc so sánh hai số nguyên cùng dấu.

- Lời giải Luyện tập 5 SGK trang 69.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Đọc HĐ6 trong SGK trang 68  - Nêu cách so sánh hai số nguyên cùng dấu âm.  - So sánh nhanh hai số nguyên khác dấu bất kì mà HS trong lớp đưa ra.  - Thực hiện làm Ví dụ 8 SGK trang 69.  - Thực hiện Luyện tập 5 SGK trang 69.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**HS làm việc cá nhân:  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng trình bày các bước để so sánh  và  theo cách làm của HĐ6.  - GV yêu cầu vài HS phát biểu cách so sánh hai số nguyên cùng dấu âm.  - GV yêu cầu 2 HS đứng tại chỗ lấy 2 số nguyên cùng dấu bất kỳ (cùng dương, cùng âm), 1 HS khác so sánh 2 số đó.  - HS thực hiện so sánh 2 số trong Ví dụ 8.  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng trình bày Luyện tập 5 SGK trang 69.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ6, chuẩn hóa quy tắc so sánh hai số nguyên cùng dấu, kết quả phép so sánh do HS đưa ra, kết quả của Luyện tập 5.  - GV lưu ý, việc bỏ dấu “–” ở Bước 1 khi so sánh hai số nguyên âm sẽ thu được số đối của số âm đó. | **4.2: Cách so sánh hai số nguyên**  **b) So sánh hai số nguyên cùng dấu**  *Hoạt động 6: (SGK trang 68)*  \*) Để so sánh hai số nguyên âm, ta làm như sau:  Bước 1: Bỏ dấu “–” trước cả hai số âm.  Bước 2: Trong hai số nguyên dương nhận được, số nào nhỏ hơn thì số nguyên âm ban đầu (tương ứng) sẽ lớn hơn.  **Ví dụ 8:**  Số đối của  và  lần lượt là 215 và 304.  Do  nên .  **Luyện tập 5 (SGK trang 69)**  Các số theo thứ tự giảm dần: 58; ; ; . |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: thế nào là hai số đối nhau; khi nào thì số nguyên  nhỏ hơn số nguyên ; các cách so sánh hai số nguyên.

- Làm bài tập 5; 6 SGK trang 69.

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, tiết sau học tiếp.

**Tiết 2:**

**3. Hoạt động luyện tập** (38 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được về cấu trúc tập hợp các số nguyên, biểu diễn số nguyên trên trục số, thứ tự trong tập hợp các số nguyên, so sánh hai số nguyên, tìm số đối của một số nguyên, ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập từ 1 đến 7 SGK trang 69.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ 1 đến 7 SGK trang 69.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**  **-** Nhắc lại thế nào số nguyên dương, thành phần của tập hợp các số nguyên, khái niệm hai số đối nhau, cách so sánh hai số nguyên khác dấu, so sánh hai số nguyên âm.  - Làm các bài tập 1 và 2 SGK trang 69.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 2:  là tập hợp các số tự nhiên,  là tập hợp các số nguyên.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 1 HS đứng tại chỗ phát biểu, trình bày các khái niệm GV yêu cầu.  - GV yêu cầu lần lượt: 3 HS lên bảng làm bài tập 1, 4 HS lên bảng làm bài tập 2, mỗi HS 1 ý.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **3. Luyện tập**  \*) Các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương tạo thành tập hợp các số nguyên.  \*) Trên trục số, hai số nguyên (phân biệt) có điểm biểu diễn nằm về hai phía của gốc 0 và cách đều gốc 0 được gọi là hai số đối nhau.  \*) Số nguyên âm luôn nhỏ hơn số nguyên dương.  \*) Để so sánh hai số nguyên âm, ta làm như sau:  Bước 1: Bỏ dấu “–” trước cả hai số âm.  Bước 2: Trong hai số nguyên dương nhận được, số nào nhỏ hơn thì số nguyên âm ban đầu (tương ứng) sẽ lớn hơn.  **Dạng 1: Cấu trúc tập hợp số nguyên**  **Bài tập 1 (SGK trang 69)**  a) 10 000  b) 0  c)  **Bài tập 2 (SGK trang 69)**  a)  b)  c)  d) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động nhóm đôi làm bài tập 3; 4; 5 SGK trang 69.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 4: ý b trên trục số có 2 điểm cách gốc  một khoảng bằng 5 đơn vị, 2 số đó nằm về 2 phía của gốc .  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 5 ý đầu: đếm trực tiếp các mốc trên trục số để xác định điểm biểu diễn cách điểm  một khoảng 2 đơn vị, tìm bên trái  được 1 điểm, bên phải  được 1 điểm.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày bài 3, đánh dấu vào bảng phụ vẽ sẵn trục số mà cô giáo treo trên bảng.  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày lời giải bài 4, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - GV yêu cầu vài đại diện 2 nhóm lên vẽ trục số, trình bày cách tìm điểm biểu diễn của bài 5 và 2 nhóm khác đưa ra kết quả về số đối.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 2: Biểu diễn điểm trên trục số, số đối**  **Bài tập 3 (SGK trang 69)**    **Bài tập 4 (SGK trang 69)**  a) Khoảng cách từ điểm  đến điểm  là 2 đơn vị.  b)    Điểm  và  cách điểm  một khoảng là 5 đơn vị.  **Bài tập 5 (SGK trang 69)**    Các số ;  có điểm biểu diễn cách điểm  một khoảng 2 đơn vị.  Số đối của ;  lần lượt là 5; 1. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Nhắc lại các cách so sánh 2 số nguyên.  - Làm bài tập 6; 7 SGK trang 69.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 4 HS lên bảng trình bày kết quả bài 6, mỗi HS 1 ý.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS, không yêu cầu HS ghi lời giải thích, HS lên bảng chỉ cần trả lời miệng cách làm của mình cho cả lớp cùng biết cách làm. | **Dạng 3: So sánh các số nguyên**  **Bài tập 6 (SGK trang 69)**  a)  b)  c)  d) |

**4. Hoạt động vận dụng** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện bài 7 (SGK trang 69)

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Biết nước đóng bằng khi nhiệt độ từ  trở xuống, so sánh nhiệt độ của nước lúc đóng băng với mốc , nếu nhiệt độ của nước lớn hơn  thì nước có đóng băng không?  - Làm bài tập 7 SGK trang 69.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu 2 HS viết câu trả lời cho bài 7.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **4. Vận dụng**  **Bài tập 7 (SGK trang 69)**  a) Đúng vì  b) Sai vì |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Làm các bài tập trong phần Bài tập về nhà.

- Đọc trước nội dung của bài tiếp theo.

**Bài tập về nhà:**

1) Mỗi khẳng định sau là đúng hay sai?

a) Nếu  thì .

b) Nếu  thì .

c) Nếu  thì .

c) Nếu  thì .

2) Vẽ trục số nằm ngang.

a) Biểu diễn các điểm 2; ; 0;  trên trục số.

b) Chỉ ra các số nguyên có điểm biểu diễn cách điểm  một khoảng 2 đơn vị.

3) Tìm số đối của 7; ; 0.

4) a) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 2; ; ; ; ; 0.

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: ; 15; ; ; ; .

5) Tìm  biết:

a) 

b) .

Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

Tiết theo KHDH: 37, 38

**§3. PHÉP CỘNG CÁC SỐ NGUYÊN**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:*

HS được học các kiến thức về:

- Các quy tắc cộng hai số nguyêncùng dấu, khác dấu

- Các tính chất của phép cộng các số nguyên: giao hoán, kết hợp, cộng với số 0, cộng với số đối

Học sinh biết cộng hai số nguyên dùng trục số, vận dụng các quy tắc và tính chất của phép cộng các số nguyên vào giải các bài tập tính toán, tính toán nhanh, bài toán liên quan tới thực tế.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu được quy tắc cộng 2 số nguyên âm, hai số nguyên khác dấu, tính chất của phép cộng các số nguyên

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hình thànhquy tắc cộng 2 số cùng dấu, hai số nguyên trái dấu, tính chất cơ bản của phép cộng các số nguyên; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (5 phút)

**a)Mục tiêu :**

- Từ bài toán thực tế dẫn tới hình thành bài toán cộng hai số nguyên.

**b)Nội dung:**

- Hs cùng nghiên cứu bài toán thực tế ở đầu bài

**c)Sản phẩm:**nghiên cứu bài toán thực tế và tìm cách giải quyết.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, quan sát bài toán thực tế được đưa ra ở đầu bài và cho biết:  - Lợi nhuận của tuần thứ nhất là?  - Lợi nhuận của tuần thứ hai là?  - Làm thế nào để tính lợi nhuận của cửa hàng sau cả 2 tuần?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát, suy nghĩ câu trả lời  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi từng hs trả lời các câu hỏi  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét bài làm của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới:  Để tính lợi nhuận của cửa hàng sau 2 tuần, ta phải lấy lợi nhuận của tuần 1 cộng với lợi nhuận của tuần 2. Nghĩa là lấy  . Vậy làm thế nào để cộng 2 số nguyên? Chúng ta sẽ cùng trả lời câu hỏi đó trong bài học hôm nay. | - Lợi nhuận của tuần thứ nhất là – 2 triệu đồng  - Lợi nhuận của tuần thứ 2 là 6 triệu đồng  - Ta phải tính tổng lợi nhuận của 2 tuần. Nghĩa là : |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1. Phép cộng hai số nguyên cùng dấu**(15 phút)

**Hoạt động 2.1.1: Phép cộng 2 số nguyên dương**(5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được cộng 2 số nguyên dương chính là phép cộng hai số tự nhiên khác không

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu trả lời câu hỏi từ đó rút ra quy tắc cộng 2 số ngyên dương

- Theo dõi sách giáo khoa và lắng nghe gv giải thích để hiểu cách cộng 2 số nguyên dương được minh họa trên trục số

**c)Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**  - Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:  +) Các số như thế nào được gọi là số nguyên dương?  +) Từ đó hãy nêu cách cộng 2 số nguyên dương?  +) Tính:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  - HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - Với mỗi câu hỏi, GV gọi từng học sinh trả lời  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định :**  - GV nêu lại quy tắc cộng hai số nguyên dương trên bảng.  - GV ghi lại ví dụ  - GV giới thiệu cho HS về minh họa phép cộng 2 số nguyên dương trên trục số. | **I. Phép cộng hai số nguyên cùng dấu**  **1. Phép cộng hai số nguyên dương**  ***a) Quy tắc***:  Cộng hai số nguyên dương chính là cộng hai số tự nhiên khác 0  ***b) Ví dụ***    Minh họa trên trục số: (SGK/70). |

**Hoạt động 2.1.2: Phép cộng 2 số nguyên âm**(10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được quy tắc cộng hai số nguyên âm

**b) Nội dung:**

- Học sinh hoạt động nhóm bàn( mỗi bàn là một nhóm) thực hiện yêu cầu của HĐ1( sgk – 70)

- Tìm hiểu HĐ2( sgk – 71) và lắng nghe GV hướng dẫn cách cộng 2 số nguyên âm và minh họa trên trục số

- Từ các hoạt động để rút ra quy tắc cộng 2 số nguyên âm.

**c)Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Hs hoạt động nhóm bàn để hoàn thành yêu cầu của HĐ1( SGK/70)  - HS đọc HĐ 2(SGK/71) và nêu lại cách cộng    **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS hoạt động nhóm bàn làm HĐ1  - HS hoạt động cá nhân, đọc HĐ2  - Từ HĐ2 nêu quy tắc cộng 2 số nguyên âm  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV mời 1 nhóm nhanh nhất trả lời HĐ1  - GV mời một HS nêu lại cách tính trong HĐ2  - GV mời một hs khác nêu quy tắc cộng 2 số nguyên âm.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV giới thiệu cho HS về minh họa cách cộng 2 số âm trên trục số. Lưu ý: Khi cộng với số dương, ta sẽ lấy tiến về phía chiều dương của trục số. Khi cộng với số âm, ta sẽ lấy lùi về phía chiều âm của trục số.  - GV nêu lại quy tắc cộng 2 số nguyên âm (SGK/71) | **2. Phép cộng hai số nguyên âm**  \* HĐ 1:  a) Tổng số tiền nợ ngân hàng của gia đình bạn Vinh là: 8 triệu  b) Phép tính biểu thị số tiền nợ ngân hàng của nhà bạn Vinh là:  \*HĐ2    ***a) Quy tắc :***  (SGK/71) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động cá nhân làm VD1 (SGK/71)  - Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 1 (SGK/71  - Hoạt động cá nhân làm VD 2 (SGK/71)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Lời giải VD1.  - Kết quả luyện tập 1  - Lời giải VD2.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  - Qua cả 2 phần, GV đặt câu hỏi: Tổng của hai số nguyên dương / nguyên âm là số như thế nào?  Từ đó GV chuẩn hóa và đưa ra chú ý(SGK/71) | ***b) Áp dụng***  **\* VD1. Tính:**    **\* Luyện tập 1:**  a)  b) Ta có: x = - 81; y = - 16  Do đó,    **\* VD2. So sánh:**  Ta có:  a) Vì nên  b) Vì nên  ***c) Chú ý:***(SGK/71) |

**Hoạt động 2.2. Phép cộng hai số nguyên khác dấu**(13 phút)

**Hoạt động 2.2.1. Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu**( 13 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được quy tắc cộng 2 số nguyên khác dấu, thực hiện tốt các bài toán về tính toán, vận dụng vào làm các bài toán thực tế có liên quan

**b) Nội dung:**

- Hs được yêu cầu làm HĐ 1 (SGK/72), đọc HĐ 2 (SGK/72) từ đó nêu được quy tắc cộng 2 số nguyên trái dấu.

- Làm các VD3, VD4, luyện tập 2 (SGK/73).

- Giải quyết bài toán đặt ra ở đầu buổi trước.

**c)Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Hoạt động cá nhân thực hiện HĐ3 (SGK/72)  - Hoạt động cá nhân đọc hiểu HĐ4 (SGK/72) và nêu cách tính  - Phát biểu quy tắc cộng 2 số nguyên trái dấu  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện HĐ3, HĐ4.  - GV yêu cầu vài HS phát biểu quy tắc cộng 2 số nguyên trái dấu.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ3, HĐ4, chuẩn hóa quy tắc cộng 2 số nguyên trái dấu. | **II. Phép cộng hai số nguyên khác dấu**  \* Hoạt động 3:  - Phép tính biểu thị nhiệt độ tại chợ Sa Pa lúc đó là:  - Quan sát nhiệt kế ta thấy, nhiệt độ tại chợ Sa Pa lúc đó là: 10C  ***1. Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu***  (SGK/72) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Sử dụng trục số để tính:    - Các số 5 và – 5; – 3 và 3 là các số như thế nào?  - Có nhận xét gì về các tổng của 2 số nguyên đối nhau  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa kết quả và đưa ra chú ý(SGK/72) | **\* Chú ý:**  Hai số nguyên đối nhau có tổng bằng 0 |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Hoạt động cá nhân thực hiện VD3 (SGK/73)  - Hoạt động cặp đôi thực hiện luyện tập 2 (SGK/73)  - Hoạt động cá nhân thực hiện VD4 (SGK/73)  - Giải quyết bài toán đặt ra ở đầu bài trước.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu được giao  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Mời 2 học sinh lên bảng trình bày VD3. Mỗi hs một ý.  - GV mời đại diện 2 nhóm nhanh nhất lên bảng trình bày luyện tập 2.  - Mời 1 hs đứng tại chỗ trả lời VD4.  - Mời 1 hs đứng tại chỗ trả lời bài toán mở đầu  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét và chính xác hóa kết quả của các ví dụ và bài tập. | ***2) Áp dụng***  **\* Ví dụ 3. Tính:**  a)  b)  **\* Luyện tập 2. Tính:**  a)  b)  **\* Ví dụ 4**  - Phép tính biểu thị độ cao mới của chiếc tàu so với mực nước biển là:  - Độ cao mới của chiếc tàu so với mực nước biển là:  **\* Bài toán mở đầu:**  Lợi nhuận của cửa hàng sau 2 tuần là :  ( triệu đồng)  Vậy sau 2 tuần, cửa hàng lãi 4 triệu đồng. |

**Hoạt động 2.2.3: Luyện tập** (10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs luyện tập về phép cộng 2 số nguyên cùng dấu và khác dấu

**b) Nội dung:**

Trò chơi “ BINGO”

**c)Sản phẩm:** học sinh thành thạo hơn về phép cộng 2 số nguyên khác dấu

**d) Tổ chức thực hiện:**

Luật chơi

- Mỗi dãy được coi là 1 đội

- GV phát 2 bảng phụ cho mỗi đội. Bảng thứ nhất có kẻ sẵn các ô vuông dạng 4 x 4, bảng thứ 2 dùng để viết câu trả lời.

- GV đưa ra một dãy số, là kết quả các phép tính sẽ có trong câu hỏi, các đội điền các số đã cho một cách ngẫu nhiên vào 16 ô vuông

- GV chuẩn bị câu hỏi, các đội lần lượt chọn số câu hỏi để trả lời. Sau mỗi câu trả lời đúng, các đội được đánh dấu vào ô có kết quả của câu hỏi đó. Nếu đội nào có số câu trả lời đúng tạo thành một hàng dọc, hàng ngang hoặc hàng chéo sớm nhất. Đội đó sẽ giành chiến thắng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Câu hỏi** | **Đáp án** |
| 1 |  |  |
| 2 |  | 9 |
| 3 |  | 12 |
| 4 |  | – 13 |
| 5 |  | 0 |
| 6 |  | – 18 |
| 7 |  | 2 |
| 8 |  | – 17 |
| 9 |  | 6 |
| 10 |  | 25 |
| 11 |  | – 9 |
| 12 |  | – 20 |
| 13 |  | 8 |
| 14 |  | – 18 |
| 15 |  | – 15 |
| 16 |  | – 11 |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: các quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu

- Làm bài tập 3, 4, 6, 7 SGK trang 74.

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, tiết sau học tiếp

**Tiết 2**

**Hoạt động 2.3. Tính chất của phép cộng các số nguyên**(18 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được các tính chất của phép cộng các số nguyên

- Biết áp dụng các tính chất đó vào các bài tập tính hợp lí, tính nhanh...

**b) Nội dung:**

- Hs được yêu cầu làm HĐ 5 từ đó rút ra các tính chất của phép cộng các số nguyên

- Áp dụng làm VD5( SGK/73)

**c)Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Hoạt động nhóm 4 thực hiện HĐ 5  - Từ HĐ 5 hãy rút ra các tính chất của phép cộng các số nguyên  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm 4  \* Gợi ý:  Ý b) trong biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta phải thực hiện các phép tính như thế nào?  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV mời 2 nhóm nhanh nhất lên trình bày kết quả HĐ 5 trên bảng  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét bài làm của các nhóm trên bảng.  - GV gọi hs dự đoán tính chất của phép cộng các số nguyên từ kết quả HĐ 5.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ5  - Chuẩn hóa tính chất của phép cộng các số nguyên. | **III. Tính chất của phép cộng các số nguyên**  \* Hoạt động 5. Tính và so sánh  a)    Vậy:  b)        Vậy  c)  Vậy  d) vì 12 và – 12 là 2 số nguyên đối nhau nên    ***1. Tính chất***(SGK/73)  Phép cộng các số nguyên có các tính chất sau:  - Giao hoán:  - Kết hợp:  - Cộng với số 0:  - Cộng với số đối: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động cặp đôi thực hiện VD5  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu theo hướng dẫn của GV  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV mời 2 nhóm nhanh nhất lên trình bày kết quả VD5  - Các nhóm còn lại trao đổi bài chéo nhau để kiểm tra cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa kết quả của bài tập.  - Nhận xét, đánh giá các nhóm làm về kết quả, thời gian, ý thức. | ***2. Áp dụng***  \* Ví dụ 5. Tính một cách hợp lí  a)      b) |

**3. Hoạt động luyện tập** (12 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được cộng các số nguyên cùng dấu, khác dấu, vận dụng các tính chất của phép cộng các số nguyên vào tính nhanh.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập luyện tập 3, bài 5 SGK trang 74.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

- Lời giải các bài luyện tập 3 và bài 5 SGK trang 74.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**  **-** Hoạt động cặp đôi làm luyện tập 3 và bài 5  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo yêu cầu của GV  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV mời 2 nhóm nhanh nhất lên bảng trình bày lần lượt luyện tập 3, bài 5.  - Các nhóm khác trao đổi bài chéo nhau để kiểm tra.  - Cả lớp quan sát và nhận xét bài làm của các nhóm trên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **IV. Luyện tập**  **Luyện tập 3**. Tính một cách hợp lí  a)    b)    **Bài 5**. Tính bằng cách hợp lí  a)      b) |

**4. Hoạt động vận dụng** (12 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học về phép cộng các số nguyên để giải quyết các bài toán và vấn đề có liên quan trong thực tế hàng ngày.

**b) Nội dung:** HS được giao làm các bài Ví dụ 6( SGK/ 74); bài 9( SGK/75)

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập :**  - Hoạt động cá nhân thực hiện VD6  - Hoạt động cặp đôi làm bài 9  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  - HS làm các bài tập trên theo yêu cầu của GV  \* Gợi ý bài 9  +) Tính lượng calo đã hấp thụ.  +) Tính lượng calo đã tiêu hao.  +) Tính lượng calo còn lại.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - GV mời HS đứng tại chỗ trả lời VD6  - GV mời 2 nhóm nhanh nhất lên bảng làm bài 9  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét bài làm các bạn và của các nhóm trên bảng.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **4. Vận dụng**  **Ví dụ 6**  Nhiệt độ ở Mát – xco – va lúc 12 giờ là:      **Bài 9**.  +) Lượng calo bạn Bình đã hấp thụ là:  =  ( kcal)  +) Lượng calo bạn Bình đã tiêu hao là:  (kcal)  Tổng số calo bạn Bình còn lại sau khi ăn sáng và thực hiện các hoạt động là:  (kcal) |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (3 phút)

- Ôn lại các kiến thức đã học toàn bài: các quy tắc cộng số nguyên, tính chất của phép cộng số nguyên, các chú ý cần nhớ.

- Làm các bài tập còn lại trong SGK.

- Tham khảo bài 10 “cách sử dụng máy tính cầm tay”. Sau khi tính bằng tay, có thể kiểm tra lại độ chính xác của kết quả bằng máy tính.

- Chuẩn bị giờ sau: xem trước bài phép trừ các số nguyên.

Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: 39; 40 |  |

**§4: PHÉP TRỪ SỐ NGUYÊN. QUY TẮC DẤU NGOẶC**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* Học xong bài này,HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hiện được phép trừ một số nguyên cho một số nguyên.

- Vận dụng được quy tắc dấu ngoặc trong tính toán.

- Vận dụng được phép trừ số nguyên để giải quyết một số bài toán thực tiễn.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* *Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: chuyển đổi ngôn ngữ từ tình huống có các thuật ngữ “nhiệt độ tăng” , “nhiệt độ giảm” sang ngôn ngữ toán học; ...

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: thông qua các thao tác như nhận biết được điểm tương đồng và khác biệt của dấu các số trong phép tính, lí giải cho câu trả lời về so sánh kết quả các phép trừ hai số nguyên; ...

- Năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác như sử dụng số nguyên âm để biểu thị nhiệt độ âm; sử dụng phép trừ để biểu thị cho tình huống tính nhiệt độ; ...

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học: sử dụng máy tính cầm tay để thực hành tính kết quả phép trừ; cách thức sử dụng các nút ấn.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (5 phút)

- Trò chơi “tia chớp”

**a) Mục tiêu:**

- HS bước đầu hình thành phép trừ hai số nguyên

**b)Nội dung:** HS được yêu cầu:

- Viết số đối của số nguyên.

- Viết phép tính thể hiện sự chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và thấp nhất trên trái đất.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS hoạt động theo 4 nhóm:  1) Viết số đối của các số:  .  2) Theo dõi phần giới thiệu trong sách giáo khoa trang 76, viết phép tính thể hiện sự chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất trên trái đất.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Viết số đối của các số cho trước.  - Viết phép tính thể hiện sự chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất trên trái đất.  - Thảo luận nhóm viết các kết quả.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: phép trừ hai số nguyên có thể luôn luôn thực hiện được không và thực hiện như thế nào? | 1)   |  |  | | --- | --- | | Số cho trước | Số đối | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   2) Sự chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất trên trái đất là: |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (40 phút)

**Hoạt động 2.1:** Phép trừ số nguyên(20 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được quy tắc trừ hai số nguyên.

**b)Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu thực hiện phần 1) tính và so sánh kết quả

- Làm các bài tập: Ví dụ 1, ví dụ 2,luyện tập 1 (SGK trang 76, 77)

**c)Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - HS thực hiện HĐ1: Tính và so sánh kết quả  và  - Từ kết quả đó, dự đoán quy tắc thực hiện phép trừ hai số nguyên.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS tính, so sánh kết quả và nêu dự đoán.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Với mỗi câu hỏi, GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV giới thiệu quy tắc phép trừ số nguyên như SGK trang 76 , yêu cầu vài HS đọc lại.  - GV nêu chú ý trong SGK trang 76. | **1. Phép trừ số nguyên**  HĐ1:      Suy ra:  Trừ cho một số nguyên là cộng với số đối của số nguyên đó.  - Quy tắc: Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b:    - Chú ý: Phép trừ trong  không phải bao giờ cũng thực hiện được, còn phép trừ trong  luôn thực hiện được. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 1 SGK trang 76. Ví dụ 2 SGK trang 77.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:** số đối của số nguyên, phép cộng hai số nguyên HS đã biết  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Lời giải ví dụ 1,ví dụ 2.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. | **Áp dụng**  **Ví dụ 1 (SGK trang 76)**  a)  b)  **Ví dụ 2 (SGK trang 77 )**  a)  b) .  c) .  d) . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Hoạt động theo cặp làm bài luyện tập 1 SGK trang 77; tính sự chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất trên trái đất nêu ở phần mở đầu  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo hình thức cặp nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Một số nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình, các nhóm khác quan sát và đánh giá.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả.  - Qua luyện tập1, GV giới thiệu việc liên hệ phép trừ số nguyên vào thực tiễn | **Vận dụng**  **Luyện tập 1 (SGK trang 77)**  Nhiệt độ lúc 21 giờ là:    - Sự chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất trên trái đất là:  . |

**Hoạt động 2.2: Quy tắc dấu ngoặc** (17 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được quy tắc dấu ngoặc.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu thực hiện HĐ3 SGK trang 77 từ đó dự đoán và phát biểu quy tắc dấu ngoặc.

- HS làm các bài tập: ví dụ 3 SGK trang 77. vídụ 4 SGK trang 78, luyện tập 2 SGK trang 78.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải hoạt động 2 SGK trang 77.

- Quy tắc dấu ngoặc.

- Lời giải ví dụ 3 SGK trang 77. ví dụ 4 SGK trang 78, luyện tập 2 SGK trang 78.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Thực hiện HĐ2 trong SGK trang 77.  - Từ kết quả HĐ2, hãy nêu nhận xét về dấu các số hạng trong ngoặc sau khi bỏ dấu ngoặc mà có dấu “ + ” đằng trước? Dấu các số hạng trong ngoặc sau khi bỏ dấu ngoặc mà có dấu “ – ” đằng trước?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS lên bảng trình bày kết quả thực hiện HĐ2.  - GV yêu cầu vài HS nêu nhận xét.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ2, khái quát quy tắc dấu ngoặc. | **II. Quy tắc dấu ngoặc**  HĐ2: a)    b)    c)    d)    Quy tắc dấu ngoặc (SGK trang 77) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - HS hoạt động cá nhân làm ví dụ 3 trong SGK trang 77, ví dụ 4 SGK trang 78.  Chú ý: - Gv cần lưu ý trong bài này cần làm rõ tiến trình trước khi tính toán để có được kết quả phép tính.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS lên bảng trình bày kết quả thực hiện ví dụ 3, vd 4.  - GV yêu cầu vài HS nêu nhận xét.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  - GV yêu cầu HS giải thích cách thực hiện phép tính ví dụ 4.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả.  - Qua ví dụ 4, GV nhấn mạnh việc thực hiện linh hoạt quy tắc dấu ngoặc để nhóm các số hạng vào trong ngoặc. | Ví dụ 3:  a)  b)  Ví dụ 4:  a) .  b) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - HS hoạt động cá nhân làm luyện tập 3 trong SGK trang 78. Bài tập 5 SGK trang 78  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS lên bảng trình bày kết quả luyện tập 3.  - GV yêu cầu vài HS nêu nhận xét.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả. | Luyện tập 2:  a)  b) |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (3 phút)

- Học thuộc: quy tắc thực hiện phép trừ số nguyên, quy tắc dấu ngoặc cùng các chú ý.

- Làm bài tập 1; 2 SGK trang 78.

**Tiết 2:**

**3. Hoạt động luyện tập** (38 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được phép trừ số nguyên; quy tắc dấu ngoặc. Giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập từ 1 đến 6 SGK trang 78; 79.

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ 1 đến 6 SGK trang 78; 79.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**  - Nhắc lại quy tắc thực hiện phép trừ số nguyên.  - Làm bài tập 1 SGK trang 78.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 1: HS làm rõ tiến trình đi đến kết quả chứ không chỉ tập trung vào kết quả  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu lần lượt: 1 HS lên bảng làm bài tập 1a, 1 HS lên bảng làm bài tập 1b, 1 HS làm bài tập 1c, 1 HS làm bài tập 1d.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **3. Luyện tập**  Quy tắc: Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b:    **Dạng 1 : Tính:**  **Bài tập 1 SGK trang 78**  a)  b)    c)    d) |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**  - Nhắc lại quy tắc dấu ngoặc, cách vận dụng quy tắc dấu ngoặc để nhóm các số hạng vào trong ngoặc  - Hoạt động cá nhân làm bài tập 2 SGK trang 78.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 2: HS cần quan sát các số hạng, lưu ý nhiều trường hợp nên chuyển phép trừ thành phép cộng trước khi nhóm các số hạng vào trong ngoặc để thực hiện tính đơn giản hơn.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu một số HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - Đưa ra phương pháp nhóm các số hạng vào trong ngoặc. | **Dạng 2: Tính bằng cách hợp lý (Tính nhanh)**  - HS nhắc lại quy tắc dấu ngoặc và cách nhóm các số hạng vào trong ngoặc  **Bài 2 SGK trang 78**  a)    b)    c)    d) |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 3:**  - Làm bài tập 3 SGK trang 78.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện yêu cầu trên theo nhóm.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: thay ẩn bằng giá trị bài cho rồi tính giá trị biểu thức.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 3: Tính giá trị biểu thức chứa ẩn.**  **Bài tập 3 SGK trang 78**  a) Với  ta có:    Vậy giá trị biểu thức bằng 16 tại  b) Với a = 12; b = – 48 ta có:    Vậy giá trị biểu thức bằng 60 với  a = 12; b = – 48. |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 4:**  - Làm bài tập 4 SGK trang 78; bài tập 6 SGK trang 79.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thực hiện yêu cầu trên theo nhóm.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: HS cần xác định phép toán sau đó mới tính kết quả.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 4: Bài toán có liên quan đến thực tế.**  **Bài tập 4 SGK trang 78**  Nhiệt độ lúc 20 giờ là:    Đáp số:  **Bài tập 6 SGK trang 79**  Tuổi của nhà bác học Archimedes là:(tuổi)  Tuổi của nhà bác học Pythagoras là:(tuổi) |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 5:**  - Làm bài tập 5 SGK trang 78.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5:**  - HS thực hiện yêu cầu.  **\* Báo cáo, thảo luận 5:**  - GV hướng dẫn chi tiết cách thực hiện từng nút ấn.  - GV yêu cầu cả lớp thực hành trên máy tính cầm tay và đọc kết quả  **\* Kết luận, nhận định 5:**  - GV nhận xét kết quả. | **Sử dụng máy tính cầm tay**  **Bài tập 5 SGK trang78**  HS thực hiện tính trên máy tính cầm tay và đọc kết quả |

**4. Hoạt động vận dụng** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học về phép trừ số nguyên, quy tắc dấu ngoặc để xác định, giải thích rõ được những khái niệm sử dụng hàng ngày.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

**-GV giao nhiệm vụ như mục Nội dung**

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

- GV chọn một số HS nộp bài vào thời điểm thích hợp ở buổi sau, nhận xét, đánh giá quá trình

- GV nhận xét, đánh giá chung bài của các HS nộp bài để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Làm các bài tập trong sách bài tập

- Chuẩn bị giờ sau: các em hãy ôn lại quy tắc cộng các số nguyên; phép trừ số nguyên; quy tắc dấu ngoặc. Đọc trước nội dung bài 5: Phép nhân các số nguyên SGK trang 80.

Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

Tiết dạy KHDH: 41, 42

**§ 5: PHÉP NHÂN CÁC SỐ NGUYÊN**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* HS được học các kiến thức về:

Nhân hai số nguyên khác dấu, nhân hai số nguyên cùng dấu.Vận dụng được tính chất của phép nhân số nguyên trong tính toán.

Vận dụng được phép nhân các số nguyên để giải quyết một số bài toán thực tiễn.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu được quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu, nhân hai số nguyên khác dấu, tính chất của phép nhân các số nguyên.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hình thành quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu, nhân hai số nguyên khác dấu, biết được tính chất của phép nhân các số nguyên; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** ( 5 phút)

- Thi ai nhanh hơn

**a)Mục tiêu :**

- Tạo tình huống nhân hai số nguyên khác dấu từ quy tắc cộng hai số nguyên âm

**b)Nội dung:**HS được yêu cầu:

Text

Description automatically generated

**c)Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào nháp

**d)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** HS hoạt động cá nhân  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, phát biểu  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi HS nhận xét  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe.  **\* Kết luận, nhận định:** - GV đặt vấn đề vào bài mới: Chúng ta đã biết phép nhân chính là phép cộng các số hạng bằng nhau. Hôm nay chứng ta cùng nghiên cứu phép nhân các só nguyên. |  |

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** ( 5 phút)

- Thi ai nhanh hơn

**a)Mục tiêu :**

- HS bước đầu hình thành quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu từ quy tắc cộng hai số nguyên âm

**b)Nội dung:**HS được yêu cầu:

- Tính: 

**c)Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào vở

**d)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV chia lớp thành 4 nhóm. Đại diện các nhóm lên bảng làm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Đại diện 4 nhóm lên bảng thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi HS nhận xét  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án. - GV đặt vấn đề vào bài mới: Chúng ta đã biết phép nhân chính là phép cộng các số hạng bằng nhau. Hãy thay phép nhân bằng phép cộng để tính kết quả: | |  |  | | --- | --- | | Nhóm | Kết quả | | 1 |  | | 2 |  | | 3 |  | | 4 |  | |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** ( 40 phút)

**Hoạt động 2.1: Quy tắc nhân 2 số nguyên khác dấu** (khoảng 15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được quy tắc nhân 2 số nguyên khác dấu

**b)Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu đọc SGK phần I), làm HĐ 1**,** phát biểu được quy tắcnhân 2 số nguyên khác dấu

- Làm các bài tập: Ví dụ 1, Luyện tập 1 (SGK trang 80)

**c)Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ1 (Sgk 80):  -  - Để tìm tích  ta đã làm như thế nào?  - Nhận xét về dấu của phép nhân hai số nguyên khác dấu  - Dự đoán và phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện HĐ1.  - GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán và phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ1, đưa ra chú ý, chuẩn hóa quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu. | **I. Phép nhân hai số nguyên khác dấu**  **1. Hoạt động 1 (Sgk / 80)**  **Giải**  **a)**  **b) Ta có:**      **Vậy**  **2. Quy tắc:**  Để nhân hai số nguyên khác dấu ta làm như sau:  +*Bước 1.* Bỏ dấu “-” trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại  +*Bước 2.* Tính tích của hai số nguyên dương nhận được ở bước 1  + *Bước 3.* Thêm dấu “-” trước kết quả nhận được ở bước 2, ta có tích cần tìm.  **3. Chú ý :** Tích của hai số nguyên khác dấu là số nguyên âm. |
| - GV trở lại giải bài toán mở đầu theo cách sử dụng phép nhân 2 số nguyên khác dấu. | **Graphical user interface, text, application, chat or text message  Description automatically generated** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 1 SGK trang 80.  - Hoạt động theo cặp đôi ( 1 bàn 1 nhóm) làm bài Luyện tập 1 SGK trang 80.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Lời giải ví dụ 1.  - Kết quả luyện tập 1.  - Kết quả vận dụng.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  để | **4. Áp dụng**  **Ví dụ 1 (SGK trang 80)**       **Luyện tập 1 (SGK trang 80)**       **Vận dụng**  Bài 1 (SGK trang 82):  a)  b)  c)  d) |

**Hoạt động 2.2: Quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu** ( 23 phút)

**2.2.1. Phép nhân hai số nguyên dương**

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được quy tắc để tính tích hai số nguyên dương

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc phần thông tin trong SGK trang 81 từ đó dự đoán và phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên dương.

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Quy tắc nhân hai số nguyên dương

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Đọc phần thông tin trong SGK trang 81  - Phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên dương.  - Lấy ví dụ  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu vài HS phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên dương. Lấy ví dụ.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả, chuẩn hóa quy tắc nhân hai số nguyên dương. | **II. Phép nhân hai số nguyên cùng dấu**  **1. Phép nhân hai số nguyên dương**  **\* Quy tắc:** Nhân 2 số nguyên dương chính là nhân 2 số tự nhiên khác 0.  **\* Ví dụ:** |

**2.2.2. Phép nhân hai số nguyên âm**

**a) Mục tiêu:**

- HS học được quy tắc nhân hai số nguyên âm

- HS vận dụng được quy tắc trên để làm bài tập

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ2 SGK trang 81 từ đó dự đoán và phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên âm; làm bài luyện tập 2 SGK trang 81.

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Quy tắc nhân hai số nguyên âm

- Lời giải bài Luyện tập 2 SGK trang 81.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Thực hiện HĐ2 SGK trang 81  - Dự đoán và phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên âm  - Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 2 SGK trang 81.  - Hoạt động theo cặp làm bài luyện tập 2 SGK trang 81.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo yêu cầu.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện HĐ2.  - GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán và phát biểu quy tắc nhân hai số nguyên âm  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng làm ví dụ 2, bài Luyện tập 2.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ2, chuẩn hóa quy tắc nhân hai số nguyên âm, chính xác hóa kết quả ví dụ 2, bài Luyện tập 2. | **2. Phép nhân hai số nguyên âm.**  **\* Hoạt động 2 (Sgk/81)**  **a)**    **b) Ta có:**    **Vậy:**  + Nhận xét: Tích của hai số nguyên cùng dấu là số nguyên dương.  **\* Quy tắc: (SGK/81)**  **\* Ví dụ 2:**  **a)**  **b) Với**  **thì**  **\* Luyện tập 2 SGK trang 81**  **a)Vớithì b)Với thì** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  Từ kết quả của hoạt động 1 và 2:  - nhận xét về dấu của tích hai số nguyên khác dấu, cùng dấu?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện HS trả lời  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. | Chú ý: Cách nhận biết dấu của tích |

**Graphical user interface, text, application

Description automatically generated**

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu, nhân hai số nguyên cùng dấu cùng các chú ý.

- Làm bài tập 4;5 SGK/83

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, tiết sau học tiếp.

**Tiết 2**

**Hoạt động 2.3: Tính chất của phép nhân các số nguyên ( 20 phút)**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh học được tính chất của phép nhân các số nguyên, vận dụng để làm bài tập

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc nội dung HĐ3 SGK trang 82 từ đó dự đoán và phát biểu tính chất của phép nhân các số nguyên

- Vận dụng làm bài Luyện tập 3 SGK trang 82.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

-Tính chất của phép nhân các số nguyên.

- Lời giải hoạt động 3 SGK trang 82.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Thực hiện HĐ3 trong SGK trang 82  - Qua kết quả các phép tính trên em rút ra nhận xét gì?  - Dự đoán và phát biểu tính chất của phép nhân các số nguyên.  -Viết dạng tổng quát của các tính chất trên.  - Thực hiện ví dụ 3 SGK trang 82 rút ra nhận xét.  - Làm bài Luyện tập 3 SGK trang 82.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân, cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện HĐ3.  - GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán và phát biểu tính chất của phép nhân các số nguyên. Viết dưới dạng tổng quát.  - Lời giải ví dụ 3.  - Cặp đôi nhanh nhất trình bày kết quả phần luyện tập 3.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả, chuẩn hóa tính chất của phép nhân các số nguyên. Đưa ra chú ý. | **III. Tính chất của phép nhân các số nguyên**  **1. Hoạt động 3 (Sgk / 82)**  **Giải**   1. **Ta có**     **Vậy:**   1. **Ta có**   **Vậy:**   1. **Ta có**     **Vậy:**   1. **Ta có**     **2. Tính chất:** (SGK/82)  *Tổng quát:*    **3. Chú ý:**    thì hoặc  hoặc  **4. Ví dụ 3:**    **5. Luyện tập 3:** SGK / 82: |

**3. Hoạt động luyện tập** ( 20 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu, nhân hai số nguyên cùng dấu.Vận dụng được tính chất của phép nhân số nguyên trong tính toán.Vận dụng được phép nhân các số nguyên để giải quyết một số bài toán thực tiễn.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập từ 2;3;5;7;9 SGK trang 82;83.

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ 2;3;5;7;9 SGK trang 82;83.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**  - Nhắc lại quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu, nhân hai số nguyên cùng dấu.  - Làm bài tập 2 SGK trang 82.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 1 HS đứng tại chỗ nhắc lại quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu, nhân hai số nguyên cùng dấu.  - GV yêu cầu lần lượt1 HS lên bảng làm bài tập 2. Học sinh dưới lớp làm vào vở  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 1 : Điền số vào ô trống**  **Bài tập 2 SGK trang 82**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động nhóm ( cặp đôi) làm bài tập 3 SGK trang 83.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 2: Lũy thừa**  **Bài tập 3 SGK trang 83**  **a)**  **b)**    **c)** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 3:**  - Làm bài tập 5 SGK trang 83.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: thực hiện tương tự Luyện tập 2 SGK trang 81, GV làm mẫu chi tiết hơn nếu cần.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 1 Hs lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 3: Tính giá trị biểu thức.**  **Bài tập 5 SGK trang 83**   1. Với   thì   1. Với  thì 2. Với  thì |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 4:**  - Làm bài tập 7 SGK trang 83.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: thực hiện tương tự Luyện tập 3 SGK trang 82, GV làm mẫu chi tiết hơn nếu cần.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu 1 Hs lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 4: Tính một cách hợp lí.**  **Bài tập 7 SGK trang 83** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 5:**  - Làm bài tập 9 SGK trang 83.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 5:**  - GV yêu cầu 1 Hs lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 5:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 5: Bài toán thực tế.**  **Bài tập 9 SGK trang 83**  -Lợi nhuận ở mỗi tháng trong quý I là (-30 triệu đồng).  -Lợi nhuận ở mỗi tháng trong quý II là (70 triệu đồng).  Vậy sau 6 tháng đầu năm lợi nhuận của công ty là: |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 6:**  GV giới thiệu cách sử dụng máy tính bỏ túi (casio fx 500MS; casio fx570vn Plus; casio fx 580VNX;…), sử dụng phần mềm giả lập hướng dẫn hs nút ấn.  HS thực hành tính trên máy tính bài 10 (sgk – 83)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 6:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:**  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - GV gọi HS đọc kết quả trên máy, HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định :**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 6. Sử dụng máy tính bỏ túi** Bài 10 (sgk -83) |

**4. Hoạt động vận dụng** ( 5 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học về nhân hai số nguyên khác dấu, nhân hai số nguyên cùng dấu. Vận dụng được tính chất của phép nhân số nguyên trong tính toán.

Vận dụng được phép nhân các số nguyên để giải quyết một số bài toán thực tiễn.

**b) Nội dung:**

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

**-GVgiao nhiệm vụ như mục nội dung**( 2 phút)

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**- HS thực hiện nhiệm vụ** tại nhà.

- GV chọn một số HS nộp bài vào thời điểm thích hợp ở buổi sau, nhận xét, đánh giá quá trình

- GV nhận xét, đánh giá chung bài của các HS nộp bài để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.

**\*Nhiệm vụ về nhà:**

- So sánh quy tắc dấu của phép nhân và phép cộng 2 số nguyên,

- Chuẩn bị giờ sau: các em hãy ôn lại phép chia các số tự nhiên,quan hệ chia hết tính chất chia hết đã học đọc trước nội dung bài 6 – Phép chia hết hai số nguyên, quan hệ chia hết trong tập hợp số nguyên SGK trang 84.

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân

- Làm các bài tập còn lại trong SGK

Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: 43, 44, 45 |  |

**PHÉP CHIA HẾT HAI SỐ NGUYÊN**

**QUAN HỆ CHIA HẾT TRONG TẬP HỢP SỐ NGUYÊN**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:** HS được học các kiến thức về:

- Thực hiện được phép chia hết hai số nguyên khác dấu; phép chia hết hai số nguyên cùng dấu.

- Nhận biết được khái niệm về chia hết; khái niệm ước và bội của số nguyên.

- Vận dụng được phép chia hết hai số nguyên để giải quyết một số bài toán thực tiễn.

**2. Năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: thao tác tìm số thích hợp trong các hoạt động trải nghiệm, lí giải tiến trình thực hiện phép chia để có kết quả; lí giải tiến trình thực hiện việc tìm ước, bội của một số nguyên.

- Năng lực mô hình hóa toán học: thao tác viết phép tính biểu thị quãng đường ốc sên leo được trong bài tập 7.

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: sử dụng máy tính cầm tay để thực hành tính kết quả phép chia, cách thức sử dụng các nút ấn.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm, dụng cụ học tập.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** HS thắc mắc về cách tìm thương trong phép chia hết một số nguyên cho một số nguyên.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu quan sát nội dung câu hỏi trên bảng chiếu.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toán của GV, HS thảo luận đưa ra các phương án.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Một tàu lặn thám hiểm đại dương lặn xuống thêm được m trong  phút. Hãy tính xem trung bình mỗi phút tàu lặn xuống thêm được bao nhiêu mét?  C:\Users\admin\Downloads\tau ngam.jpgHãy dùng số nguyên âm để giải bài toán trên.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định:**  + GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: "Làm thế nào để tìm được thương trong phép chia hết một số nguyên cho một số nguyên?" | (m)  Vậy trung bình mỗi phút tàu lặn xuống thêm  m.  Câu hỏi gợi mở:  ? |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (40 phút)

**Hoạt động 2.1: Phép chia hết hai số nguyên khác dấu** (15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được quy tắc chia hai số nguyên khác dấu, thực hiện tính toán chính xác, cẩn thận.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu quan sát câu hỏi trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

- Làm các bài tập: hoạt động 1, ví dụ 1, luyện tập 1 (SGK trang 84).

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Quy tắc chia hai số nguyên khác dấu.

- Lời giải hoạt động 1, luyện tập 1.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  - Thực hiện HĐ 1 trong SGK trang 84.  + HS tự rút ra: Để tìm thương , ta chỉ việc lấy  rồi thêm dấu "" trước kết quả.  + Liên hệ giữa phép nhân và phép chia các số nguyên để nhận ra sự tương tự khi thực hiện phép chia hai số nguyên khác dấu.  + Hình thành quy tắc chia hai số nguyên khác dấu.  + Nhận xét vể dấu ở thương của phép chia hai số nguyên khác dấu.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS: thảo luận cặp đôi nói cho nhau nghe trả lời câu hỏi của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp các em.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS: nêu kết quả HĐ 1, quy tắc chia hai số nguyên khác dấu.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả.  - Thương của phép chia hai số nguyên khác dấu là số nguyên âm.  - Cho HS nhắc lại quy tắc chia hai số nguyên khác dấu. | **I. Phép chia hết hai số nguyên khác dấu:**  1, HĐ 1/SGK/84:  Do  nên    2, Quy tắc: Để chia hai số nguyên khác dấu, ta làm như sau:  - B1: Bỏ dấu "" trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại  - B2: Tính thương của hai số nguyên dương nhận được ở B1  - B3: Thêm dấu "" trước kết quả nhận được ở B2, ta có thương cần tìm. |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2:**  - Quan sát ví dụ 1 trong SGK trang 84.  - Hoạt động cá nhân thực hiện LT 1 trong SGK trang 84.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  - GV: quan sát và trợ giúp các em.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS: nêu cách thực hiện VD 1, kết quả LT 1.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV đánh giá kết quả cá nhân, chính xác hóa kết quả. | 3, Ví dụ 1/SGK/84:  a)  b)  4, Luyện tập 1/SGK/84:  a)  b) |

**Hoạt động 2.2: Phép chia hết hai số nguyên cùng dấu** (23 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được cách chia hai số nguyên dương, quy tắc chia hai số nguyên âm, thực hiện tính toán chính xác, cẩn thận.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu quan sát câu hỏi trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

- Làm các bài tập: hoạt động 2, ví dụ 2, luyện tập 2 (SGK trang 85).

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Quy tắc chia hai số nguyên cùng dấu.

- Lời giải hoạt động 2, luyện tập 2.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  - Tính  ?  + Cho HS nhận xét về phép chia hai số nguyên dương.  HS: tương tự như phép chia hai số tự nhiên khác 0.  - Thực hiện HĐ 2 trong SGK trang 85.  + HS rút ra: Để tìm thương , ta chỉ việc lấy  chia cho .  + Hình thành quy tắc chia hai số nguyên âm.  + Nhận xét vể dấu ở thương của phép chia hai số nguyên cùng dấu.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS: thảo luận cặp đôi nói cho nhau nghe trả lời câu hỏi của GV.  - GV: quan sát và trợ giúp các em.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS: nêu kết quả HĐ 2, quy tắc chia hai số nguyên âm.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả.  - Thương của phép chia hai số nguyên cùng dấu là số nguyên dương.  - Cho HS nhắc lại quy tắc chia hai số nguyên âm. | **II. Phép chia hết hai số nguyên cùng dấu:**  *1. Phép chia hết hai số nguyên dương*  Ví dụ:  *2. Phép chia hết hai số nguyên âm*  \* HĐ 2/SGK/85:  Do  nên    \* Quy tắc: Để chia hai số nguyên âm, ta làm như sau:  - B1: Bỏ dấu "" trước mỗi số  - B2: Tính thương của hai số nguyên dương nhận được ở B1, ta có thương cần tìm. |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2:**  - Quan sát ví dụ 2 trong SGK trang 85.  - Hoạt động cá nhân thực hiện LT 2 trong SGK trang 85.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ.  - GV: quan sát và trợ giúp các em.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS: nêu cách thực hiện VD 2, kết quả LT 2, nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV đánh giá kết quả cá nhân, chính xác hóa kết quả.  - Từ 2 quy tắc và các ví dụ GV đưa ra chú ý về cách nhận biết dấu của thương và thứ tự thực hiện phép tính với số nguyên.  - HS đọc lại nội dung chú ý SGK/85. | \* Ví dụ 2/SGK/85:  a)  b)  \* Luyện tập 2/SGK/85:  a)  b)  \* Chú ý: SGK/85 |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc các quy tắc: chia hai số nguyên khác dấu, chia hai số nguyên âm.

- Làm bài tập: 1; 2; 3 SGK trang 87.

- Đọc nội dung phần tiếp theo Quan hệ chia hết, tiết sau học tiếp.

**Tiết 2**

**Hoạt động 2.3: Quan hệ chia hết** (43 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được khái niệm về chia hết, ước và bội trong tập hợp các số nguyên, tìm được ước và bội của một số nguyên, vận dụng kiểm tra một số nguyên có hay không là ước hoặc bội của một số nguyên cho trước.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu quan sát câu hỏi trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

- Làm các bài tập: hoạt động 3, ví dụ 3, 4, luyện tập 3, 4 (SGK trang 86).

**c) Sản phẩm:**kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Nhận xét về quan hệ chia hết trong tập hợp số nguyên, chú ý về quan hệ ước và bội.

- Lời giải hoạt động 3, luyện tập 3, 4.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  - Thực hiện HĐ 3 trong SGK trang 86.  + Số  có thể chia hết cho các số nguyên nào?  HS liệt kê.  + GV: Các số nguyên HS liệt kê gọi là ước của  + chia hết cho  =>  là bội của  và  là ước của .  + HS: rút ra quan hệ chia hết của hai số nguyên, khái niệm ước và bội.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS: quan sát, thực hiện cá nhân.  - GV: quan sát và trợ giúp các em.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS: nêu kết quả HĐ 3, quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chuẩn xác hóa kiến thức.  - Cho HS nhắc lại nhận xét quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  - GV nhấn mạnh quan hệ chia hết trong tập hợp các số nguyên tương tự như trong tập hợp số tự nhiên và không phụ thuộc vào dấu của số nguyên. | **III. Quan hệ chia hết:**  1, HĐ 3/SGK/86:  *a)*   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   b)  có thể chia hết cho:    2, Nhận xét: SGK/86  chia hết cho   suy ra:  là bội của ;  là ước của |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2:**  - Quan sát VD 3 trong SGK trang 86.  + Yêu cầu HS sử dụng ký hiệu  và  để trả lời.  +  và  nên  và  đều được gọi là gì của ?  - Từ bài tập trên, cho HS rút ra nhận xét:  + Nếu  là bội của  thì  là  của ?  + Nếu b là ước của  thì  là  của ?  - Từ đó, GV nhấn mạnh lưu ý về bội và ước.  - Thực hiện VD 4 trong SGK trang 86.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS: quan sát, thực hiện cá nhân.  - GV: quan sát và trợ giúp các em.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS: nêu kết quả, lắng nghe, ghi chú.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chuẩn xác hóa kiến thức, kết quả ví dụ 3, 4.  - Nhận xét: ; , số nguyên tố  là những số đặc biệt có ít ước số nguyên nhất.  **-** HS đọc lưu ý SGK/86. | 3, Lưu ý:  + Nếu  là bội của  thì  cũng là bội của .  + Nếu  là ước của  thì  cũng là ước của . |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 3:**  - Thực hiện LT 3, 4 trong SGK trang 86.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS: quan sát, thực hiện cá nhân.  - GV: quan sát và trợ giúp các em.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - HS: nêu kết quả, lắng nghe, ghi chú.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa kết quả. | 4, Luyện tập 3/SGK/86:  a)  ***chia hết cho***  b)  là ***bội*** của  c)  là ***ước*** của  5, Luyện tập 4/SGK/86:  a) Ước của  là:    Ước của  là:    b) Năm số nguyên là bội của  là:  Năm số nguyên là bội của  là: |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc Quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội, lưu ý về ước và bội.

- Làm bài tập: 4; 5; 6 SGK trang 87.

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, tiết sau học tiếp.

**Tiết 3**

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** (38 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được tính chất, quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên, giải quyết được một số bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu làm các bài tập từ 1 đến 7 trong SGK trang 87.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở: lời giải các bài tập từ 1 đến 5 và bài 7 SGK trang 30.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  - HS hoạt động cá nhân nhắc lại các kiến thức sau:  + Quy tắc chia hai số nguyên khác dấu.  + Quy tắc chia hai số nguyên cùng dấu.  - Làm bài tập 1, 2, 3 SGK trang 87.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS: Thực hiện các yêu cầu theo cá nhân.  - GV: Quan sát và trợ giúp các em. Hướng dẫn bài 2: Không cần tính, nhắc lại nhận xét về dấu ở kết quả của phép chia để só sánh.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - 4 HS lên bảng làm bài 1; 2 HS làm bài 2; 2 HS làm bài 3.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV: nhận xét, sửa sai, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **IV. Luyện tập:**  *Dạng 1: Thực hiện phép tính*  **Bài 1/SGK/87:**  a)  b)  c)  d)  **Bài 2/SGK/87:**  a)  b)  *Dạng 2: Tìm*  **Bài 3/SGK/87:**  a)      b) |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2:**  - HS hoạt động cá nhân nhắc lại các kiến thức sau:  + Quan hệ chia hết, ước và bội của số nguyên.  - Làm bài tập 5, 6 SGK trang 87; bài 5 chỉ trả lời miệng.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS: Thực hiện các yêu cầu theo cá nhân.  - GV: Quan sát và trợ giúp các em. Hướng dẫn bài 6b: liệt kê các giá trị của  rồi tìm các giá trị của .  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - 2 HS trả lời tại chỗ bài 5; 2 HS lên bảng làm bài 6.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV: nhận xét, sửa sai, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | *Dạng 3: Tìm ước và bội*  **Bài 6/SGK/87:**  a)  chia hết cho  là ước của    b)  chia hết cho  là ước của |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 3:**  - Làm bài tập 4, 7 SGK trang 87.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS: Thực hiện yêu cầu theo nhóm.  - GV: Quan sát và trợ giúp các em.  + Hướng dẫn bài 4: cho HS nhắc lại cách tính giá trị trung bình.  + Hướng dẫn bài 7:  a) Tính quãng đường ốc sên leo được trong  ngày   ngày.  c) Chú ý: vì cây cao 8m nên số giờ để ốc sên leo được m chính là số giờ ốc sên chạm đến ngọn cây.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV: nhận xét, sửa sai, đánh giá mức độ hoàn thành của nhóm. | *Dạng 4: Bài toán thực tế*  **Bài 4/SGK/87:** Nhiệt độ TB là:      **Bài 7/SGK/87:**  a) Quãng đường mà ốc sên leo được trong một ngày ( giờ) là:        (m)  8m  Phép tính biểu thị quãng đường mà ốc sên leo được sau  ngày là:       (m)  b) Sau  ngày, ốc sên leo được:  (m)  c) Vì cây cao m nên số giờ để ốc sên leo được m chính là số giờ ốc sên chạm đến ngọn cây.  Sau  ngày ( giờ) ốc sên sẽ leo được  (m)  Đến hết ngày thứ  ốc sên leo được:  (m)  Sang ngày thứ ,  giờ đầu ốc sên leo được  m, mà ốc sên chỉ cần leo thêm  m nữa là được  m. Thời gian để ốc sên leo được thêm  m nữa là:  (giờ)  Tổng số giờ:  giờ.  Vậy sau  giờ leo cây thì ốc sên chạm đến ngọn cây. |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG** (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng được các kiến thức đã học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:**Nhiệm vụ về nhà:

- Vận dụng: quy tắc chia hai số nguyên vào bài toán tìm x; quan hệ chia hết tìm hai số a và b; giải quyết các bài toán gắn với thực tế; sử dụng MTCT để tính nhanh.

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV trình chiếu nhiệm vụ như mục Nội dung. (2 phút)

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

- HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

- GV chọn một số HS nộp bài vào thời điểm thích hợp ở buổi sau, nhận xét, đánh giá quá trình.

- GV nhận xét, đánh giá chung bài của các HS nộp bài để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

**\* Bài tập về nhà:**

Bài 1: Tìm số nguyên x, biết:

a)  b) 

Bài 2: Tìm hai số nguyên khác nhau  và  thỏa mãn  và .

Bài 3: Một máy cấp đông (làm lạnh nhanh) trong  phút đã làm thay đổi nhiệt độ được . Hỏi trung bình trong một phút máy đã làm thay đổi được bao nhiêu độ C?

Bài 4: Sau một quý kinh doanh, bác Ba lãi được  triệu đồng, còn chú Tư lại lỗ  triệu đồng. Em hãy tính xem bình quân trong một tháng mỗi người lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?

- Bài 8 SGK trang 87.

- Chuẩn bị tiết sau: ôn lại các kiến thức trong chương II, xem trước nội dung các bài tập SGK trang 88.

Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: | |

Tiết theo KHBD: 46, 47

**BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG II**

**I. Mục tiêu**:

**1. Kiến thức:**HS được học các kiến thức về:

- Ôn tập hệ thống các kiến thức đã học về tập hợp : Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn, biểu diễn được số nguyên trên trục số, thực hiện được các phép tính trong tập hợp các số nguyên. Vận dụng được các kiến thức đã học vào bài tập.

**2. Năng lực:**

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu kết quả của phép trừ số nguyên dương cho số nguyên âm là số nguyên dương, kết quả của phép nhân số nguyên dương với số nguyên âm là số nguyên âm.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: biểu diễn được số nguyên trên trục số, thực hiện được các phép tính trong tập hợp các số nguyên. Vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ, phiếu bài tập hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm và nội dung kiến thức ở chương 2.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1.**

**Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 23 phút)

Ôn tập kiến thức đã học của chương 2.

**a) Mục tiêu:**

Nhắc lại các kiến thức đã học của chương 2.

**b) Nội dung:** Khi học xong chương 2: Số nguyên, các em được học những kiến thức nào?

**c) Sản phẩm:**

HS vẽ được sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức chương 2

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4 hs  Khi học xong chương 2: Số nguyên, các em được học những kiến thức nào?  - Những số như thế nào được gọi là số nguyên âm? Số nguyên âm được được sử dụng như thế nào trong đời sống?  - Tập hợp số nguyên là gì? trên trục số nằm ngang, nếu   thì điểm  nằm ở vị trí nào so với điểm ? Muốn so sánh hai số nguyên ta làm sao?  - Nêu quy tắc cộng 2 số nguyên cùng dấu và quy tắc cộng 2 số nguyên khác dấu? Nêu tính chất của phép cộng số nguyên  - Nêu quy tắc trừ 2 số nguyên? và quy tắc dấu ngoặc?  - Nêu quy tắc nhân 2 số nguyên cùng dấu (âm và dương) và nhân 2 số nguyên khác dấu? Nêu tính chất của phép nhân số nguyên?  - Nêu phép chia hết của hai số nguyên khác dấu và cùng dấu và quan hệ chia hết trong tập hợp các số nguyên.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận  - Thảo luận nhóm và vẽ được sơ đồ tư duy vào vở  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV đánh giá kết quả của HS, và tóm tắc lại kiến thức chương 2 | **I. Hệ thống lí thuyết:**  - Hệ thống lí thuyết bằng sơ đồ:  Diagram  Description automatically generated  **1. Số nguyên âm: Các số là các số nguyên âm.**  Số nguyên âm được được sử dụng nhiều trong thực tiễn cuộc sống:  - Chỉ nhiệt độ dưới .  - Chỉ độ cao dưới mực nước biển.  - Chỉ số tiền nợ, cũng như chỉ số tiền lỗ trong kinh doanh.  - Chỉ thời gian trước công nguyên.  **2. Tập hợp các số nguyên kí hiệu**    - Trên trục số nằm ngang, nếu   thì điểm  nằm bên trái với điểm  + So sánh hai số nguyên dương chính là so sánh hai số tự nhiên.  **+ So sánh hai số nguyên âm:**  Bước 1: Bỏ dấu “” trước cả hai số nguyên âm.  Bước 2: Trong hai số nguyên dương nhận được, số nào nhỏ hơn thì số nguyên âm ban đầu (trước khi bỏ dấu “”) sẽ lớn hơn.  + Số  không là số nguyên dương cũng không là số nguyên âm.  + Số nguyên âm nhỏ hơn số , số nguyên dương lớn hơn số , số nguyên âm nhỏ hơn số nguyên dương.  **3. Nêu quy tắc cộng 2 số nguyên cùng dấu và** **quy tắc cộng 2 số nguyên khác dấu?**  **- Nêu quy tắc cộng 2 số nguyên cùng dấu:**  + Cộng hai số nguyên dương: Chính là cộng hai số tự nhiên khác  **+ Cộng hai số nguyên âm:**  Bước 1: Bỏ dấu “” trước mỗi số  Bước 2: Tính tổng của hai số nguyên dương đã nhận ở bước 1  Bước 3: Thêm dấu “” trước kết quả nhận được ở bước 2, ta có tổng cần tìm  **- Nêu quy tắc cộng 2 số nguyên khác dấu:**  Bước 1**:** Bỏ dấu “” trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại  Bước 2: Trong hai số nguyên dương đã nhận ở bước 1, ta lấy số lớn hơn trừ đi số nhỏ hơn  Bước 3: Cho hiệu vừa nhận được dấu ban đầu của số lớn hơn ở bước 2, ta có tổng cần tìm  **- Nêu tính chất của phép cộng số nguyên:**  Giao hoán:  Kết hợp:  Cộng với số :  Cộng với số đối:  **4. Nêu quy tắc trừ 2 số nguyên? và quy tắc dấu ngoặc?**  **- Quy tắc trừ hai số nguyên:**  **- Quy tắc dấu ngoặc:**  + Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “” đằng trước thì giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc  + Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “” đằng trước thì đổi dấu của các số hạng trong ngoặc: dấu “” đổi thành “” và “” đổi thành “”.  **5. Nêu quy tắc nhân 2 số nguyên cùng dấu (âm và dương) và nhân 2 số nguyên khác dấu? Nêu tính chất của phép nhân số nguyên?**  **- Quy tắc nhân 2 số nguyên cùng dấu:**  + Nhân hai số nguyên dương: Chính là nhân hai số tự nhiên khác  **+ Nhân hai số nguyên âm:**  Bước 1: Bỏ dấu “” trước mỗi số  Bước 2: Tính tích của hai số nguyên dương đã nhận ở bước 1, ta có tích cần tìm.  **- Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu:**  Bước 1: Bỏ dấu “” trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại  Bước 2: Tính tích của hai số nguyên dương đã nhận ở bước 1  Bước 3: Thêm dấu “” trước kết quả nhận được ở bước 2, ta có tích cần tìm.  - Nêu tính chất của phép nhân số nguyên?  Giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, phân phối của phép nhân đối với phép cộng.  **6. Nêu phép chia hết của hai số nguyên khác dấu và cùng dấu và quan hệ chia hết trong tập hợp các số nguyên.**  - Để chia hai số nguyên khác dấu, ta làm như sau:  Bước 1: Bỏ dấu “” trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại  Bước 2: Tính thương của hai số nguyên dương đã nhận được ở bước 1  Bước 3: Thêm dấu “” trước kết quả nhận được ở bước 2, ta có thương cần tìm.  **- Chia hai số nguyên cùng dấu:**  + Chia hai số nguyên dương thực hiện giống như chia hai số tự nhiên (số chia phải khác).  + Để chia hai số nguyên âm, ta làm như sau:  Bước 1: Bỏ dấu “” trước mỗi số  Bước 2: Tính thương của hai số nguyên dương nhận được ở bước 1, ta có thương cần tìm.  - Quan hệ chia hết trong tập hợp các số nguyên: Với , . Nếu có số nguyên  sao cho  thì ta nói:   * chia hết cho * là bội của * là ước của |

**2. Hoạt động 2: Hệ thống các dạng bài tập** (20 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:**

- Các bài tập 1; 2; 3; 4 trang 88/sgk

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Trình bày được các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  Hoàn thành các bài tập 1; 2; 3 trên phiếu học tập 1  Bài tập 4: học sinh thảo luận nhóm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu  **\* Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung, ghi vở.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV đánh giá kết quả của HS, tuyên dương các nhóm làm bài tập tốt, động viên các nhóm còn sai sót. | **II: Bài tập:**  **\*Dạng 1: Đọc và biễu diễn các số nguyên âm trên trục số.**  **Bài tập 1:**  a) (nghìn đồng)  b)  (m)  c) (oC)  **Bài tập 2:**Trong hình 10, hãy tính (theo mét):  a)  mét  b)  mét  c)  mét  d)  mét  **Bài tập 3:**Quan sát các trục cố định sau:  https://baivan.net/sites/default/files/styles/giua_bai/public/screenshot_331.png?itok=wOOXpNhs  a)  Điểm  biểu diễn số  Điểm  biểu diễn số  Điểm  biểu diễn số  b) Điểm biểu diễn số  là điểm .  **Bài tập 4:**a) Sai. Có thể là số nguyên dương hoặc nguyên âm. Ví dụ:    b) Đúng.  c) Đúng. |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Làm bài tập 5; 6; 7; 8 SGK trang 88.

**Tiết 2:**

**Luyện tập bài 5; 6; 7; 8 trang 88 sgk** (40 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:**

- Các bài tập **5; 6; 7; 8** trang 88/sgk

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Trình bày được các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  Hoàn thành các bài tập 5; 6 trên phiếu học tập 2  Bài tập 7; 8 thảo luận nhóm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu  **\* Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi đại diện HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung, ghi vở.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV đánh giá kết quả của HS, tuyên dương các nhóm làm bài tập tốt, động viên các nhóm còn sai sót. | **II: Bài tập: (tiếp theo)**  **\*Dạng 2: Thực hiện phép tính:**  **Bài tập 5:**      **\*Dạng 3: Tìm x**  **Bài tập 6:**Tìm số nguyên x, biết:      **\*Dạng 4: Bài toán thực tế**  **Bài tập 7:**Sau 12 tháng kinh doanh, lợi nhuận của công ty An Bình là:  (triệu đồng)  \* Kết luận: Sau 12 tháng kinh doanh, lợi nhuận của công ty An Bình là  triệu đồng.  **Câu 8:**- Tổng số tiền tiết kiệm của Bác Dũng trong 12 tháng:  (triệu đồng)  - Tổng chi phí cả năm của bác Dũng:  (triệu đồng)  Ta có biểu thức:   Thay:  vào biểu thức ta được:    \* Kết luận: Tổng thu nhập cả năm của bác Dũng là 48 triệu đồng. |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (5 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Xem trước chủ đề 1 “Đầu tư kinh doanh”.

- Bài tập bổ sung:

1. Tính giá trị của biểu thức:

|  |  |
| --- | --- |
| với | với |

2. Tìm số nguyên  biết:

|  |  |
| --- | --- |
| chia hết cho | chia hết cho |

# **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** Hoàn thành cột bên trái

**Bài 1/SGK: S**ử dụng số nguyên âm để thể hiện các tình huống sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| a) Nợ  nghìn đồng; |  |
| b) m dưới mực nước biển; |  |
| c)  độ dưới |  |

**Bài 2.** Trong Hình 10, hãy tính (theo mét):

|  |  |
| --- | --- |
| a) Khoảng cách giữa rặng san hô và người thợ lặn; |  |
| b) Khoảng cách giữa người thợ lặn và mặt nước; |  |
| c) Khoảng cách giữa mặt nước và con chim; |  |
| d) Khoảng cách giữa rặng san hô và con chim; |  |

**Bài 3.** Quan sát trục số sau:

Quan sát trục số sau: a) Các điểm N, B, C biểu diễn những số nào

|  |  |
| --- | --- |
| a) Các điểm biểu diễn những số nào? |  |
| b) Điểm nào biểu diễn số |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**

**Bài 5. Tính**



Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: 48 |  |

**ÔN TẬP HỌC KỲ I (SỐ HỌC)**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:*

-Ôn tập các kiến thức về lũy thừa, ƯCLN và BCNN, tập hợp các số nguyên.

-Làm các bài tập tổng hợp: Thực hiện các phép tính trên số nguyên, vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, phiếu bài tập cho hs làm hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Hệ thống các kiến thức lý thuyết đã học**

**(từ bài 12 chương I đến bài 6 chương II)** (khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs nắm lại các kiến thức trọng tâm đã học ở học kỳ I.

**b) Nội dung:**

HS được yêu cầu: hệ thống lại các kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy (làm trước ở nhà)

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Các nhóm về nhà tóm tắt trước, sau đó đại diện nhóm trình bày.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  Hoạt động nhóm trình bày trên giấy A3 các nội dung trọng tâm theo sơ đồ tư duy và trả lời hai câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, thống nhất sơ đồ tóm tắt kiến thức trọng tâm. | Diagram  Description automatically generated  1)-ƯCLN dùng để rút gọn phân số tối giản.  -BCNN dùng để cộng, trừ các phân số không cùng mẫu.  2)Số nguyên âm được sử dụng trong nhiều tình huống thực tiễn cuộc sống:  +Số nguyên âm được dùng để chỉ nhiệt độ dưới 00.  +Số nguyên âm được dùng để chỉ độ cao dưới mực nước biển.  +Số nguyên âm được dùng để chỉ số tiền nợ, cũng như để chỉ số tiền lỗ trong kinh doanh.  +Số nguyên âm được dùng để chỉ thời gian trước Công nguyên. |

**2. Hoạt động 2: Hệ thống các dạng bài tập** (38 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs rèn luyện được: Cách tìm ƯCLN, BCNN của hai hay nhiều số để từ đó rút gọn các phân số, thực hiện phép tính cộng, trừ các phân số.

-Các kiến thức cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số nguyên để thực hiện được các phép tính.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu: Làm các bài tập trên phiếu bài tập.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ:**  GV chiếu trên màn hình trò chơi hái táo.  Yêu cầu: HS sẽ chọn quả táo trên cây, trong mỗi quả táo có một câu hỏi. HS đó sẽ trả lời câu hỏi.(Phiếu học tập số 1)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - GV yêu cầu HS đứng trình bày kết quả thực hiện.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định :**  - GV chính xác hóa kết quả.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  Hoạt động nhóm 4 hs làm bài tập 2; 3  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu theo các yêu cầu.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - Cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS, lưu ý HS có thể trình bày ngắn gọn. | **Bài tập 1**  **1) Phân số tối giản.**  \*ƯCLN=12  Vậy: **Chọn A.**  **2)Kết quả phép tính:**  BCNN= 54    **Chọn B.**  **3)**  **Chọn C**  **4)** a) **Chọn D**  b) **Chọn A**  **Bài tập 2:Thực hiện được các phép tính** (tính hợp lý nếu có thể)      **Bài tập 3:**  Tìm số nguyên  biết:  a)  b) |

**Hoạt động 3: Tìm tòi, mở rộng:** (13 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs vận dụng được các phép tính số nguyên để giải quyết được vấn đề thực tiễn

**b) Nội dung:**

Học sinh được yêu cầu - Làm các bài tập trên bảng phụ của giáo viên.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  **-**Hoạt động cá nhân bài tập và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập số 2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả. | a) Sao Kim nóng hơn Trái Đất:    Sao Thủy nóng hơn Sao Thổ:    Hành tinh nóng nhất là Sao Kim:    Hành tinh lạnh nhất là Sao Hải Vương:  Sao Kim nóng hơn Sao Hải Vương:  Sao Hoả nóng hơn Sao Thiên Vương:  b) Tổng nhiệt đọ của Trái Đất và Sao Hải Vương bằng nhiệt độ cửa Sao ThiênVương.  Vì:  Tổng nhiệt độ của Sao Mộc và Sao Hoả bằng nhiệt độ của Sao Thổ.  Vì:  Tồng nhiệt độ của Sao Mộc, Sao Thổ và Sao Hải Vương và nhiệt độ Sao Kim là hai số đối nhau,  Vì:  là số đối của 460. |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Xem lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Làm bài tập: (phát giấy cho HS về nhà làm)

**Bài tập1:** Nhiệt độ lúc giờ là  đến giờ nhiệt độ tăng , đến giờ nhiệt độ lại giảm . Nhiệt độ lúc  giờ là bao nhiêu

**Bài tập 3:**

Tìm số nguyên , biết:



- Chuẩn bị kiểm tra, đánh giá cuối HKI (theo lịch)

\***HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**

**1) Phân số tối giản của** 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** | **C.** | **D.** |

**2) Kết quả phép tính:** 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** | **C.** | **D.** |

**3)** Ước chung của 126, 150 là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** | **C.** | **D.** |

**4)Viết kết quả phép tính sau dưới dạng một lũy thừa**



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** | **C.** | **D.** |



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** | **C.** | **D.** |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**

**Bài tập 2: Thực hiện được các phép tính** (tính hợp lý nếu có thể)









**Bài tập 3:** Tìm số nguyên x biết:

 b)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**

Bảng dưới đây cho biết nhiệt độ của các hành tinh trong hệ Mặt Trời tại cùng một tlìời điểm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hành tỉnh** | **Nhiệt độ** |
| Trái Đất (Earth) |  |
| Sao Kim (Venus) |  |
| Sao Thủy (Mercury) |  |
| Sao Thổ (Saturn) |  |
| Sao Hoả (Mars) |  |
| Sao Mộc (Jupiter) |  |
| Sao Hải Vương (Neptune) |  |
| Sao Thiên Vương (Uranus) |  |

1. Tính số chênh lệch nhiệt độ của mỗi cặp hành tinh.

* Sao Kim và Trái Đất;
* Sao Thủy và Sao Thổ;
* Hành tinh nóng nhất và hành tinh lạnh nhất;
* Sao Hoả và Sao Thiên Vương.

b)•Tổng nhiệt độ của Trái Đất và Sao Hải Vương bằng nhiệt độ của hành tinh nào?

* Tổng nhiệt độ của Sao Mộc vả Sao Hoả bằng nhiệt độ của hành tinh nào?
* Có nhận xét gi về tổng nhiệt độ của Sao Mọc, Sao Thổ và Sao Hải Vương với nhiệt độ của Sao Kim?

Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: 51, 52 |  |

**Chương II: SỐ NGUYÊN**

**BÀI: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ 1: ĐẦU TƯ KINH DOANH**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* Học xong bài này, HS cần đạt:

- Nhận biết được các khái niệm về tài chính, kinh doanh: tài chính, vốn, chi phí, doanh thu, lợi nhuận, ...

- Nhận biết được các cách tính lợi nhuận trong kinh doanh, từ đó xác định được lợi nhuận thu được của một hoạt động kinh doanh.

- Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên khi thực hiện hoạt động trải nghiệm: đầu tư kinh doanh.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: Dựa vào số liệu tính toán được lợi nhuận của một hoạt động kinh doanh bất kì.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hình thành khái niệm về tài chính và kinh doanh, biết cách tính lợi nhuận kinh doanh, từ đó thiết lập được hoạt động đầu tư kinh doanh có hiệu quả.

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: sử dụng được máy tính và các phương tiện kết nối internet.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu, phiếu đánh giá, tiền giả định 4 cọc (mỗi cọc tiền trị giá 500 000 đồng, cắt sẵn từ giấy A4 màu: 1 000 đồng, 2 000 đồng, 5 000 đồng, 10 000 đồng, 20 000 đồng, 50 000 đồng).

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm, máy tính cầm tay, giấy A4, A0, sản phẩm kinh doanh (chuẩn bị theo ý tưởng của nhóm chọn).

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (5 phút)

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú vào bài mới.

**b) Nội dung:** Hãy kể tên một số game show truyền hình về khởi nghiệp mà em biết

**c) Sản phẩm:** Làm quen với khái niệm khởi nghiệp, đầu tư, kinh doanh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV nêu yêu cầu: Em hãy kể tên một số game show truyền hình về khởi nghiệp mà em biết?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV tổng hợp các câu trả lời.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Khởi nghiệp có rất nhiều hình thức, và đầu tư kinh doanh cũng là một cách để khởi nghiệp. Trong bài học này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về các khái niệm về tài chính, kinh doanh và cùng nhau thực hành trải nghiệm kinh doanh. | Em hãy kể tên một số game show truyền hình về khởi nghiệp mà em biết?    Shark tank: Thương vụ bạc tỉ: 20h30 thứ tư hàng tuần trên VTV3.  Quốc gia khởi nghiệp: 20h10 tối thứ 6 hàng tuần trên VTV1  Café khởi nghiệp: 6h50 sáng thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần trên VTV1  Khởi nghiệp công nghệ: 12h trưa thứ 7 hàng tuần trên VTV3.  Khởi nghiệp: 21h10 Thứ Ba, Thứ Năm, Thứ Bảy hàng tuần trên kênh VTC16 cho nhà nông |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 2.1: Một số kiến thức về tài chính, kinh doanh** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** HS nhận biết được thế nào là tài chính, kinh doanh, tìm hiểu các yếu tố cơ bản trong kinh doanh và cách tăng lợi nhuận.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện mục 1 trong SGK trang 89.

- Nêu khái niệm tài chính, kinh doanh và các yếu tố liên quan

- Tìm hiểu các cách tăng lợi nhuận, phân tích ưu nhược điểm của từng cách.

- Tìm hiểu kĩ năng tìm kiếm thông tin và trình bày sản phẩm.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện hoạt động 1 trong SGK trang 89.

- Nhận biết được khái niệm tài chính, kinh doanh và các yếu tố liên quan, các kết quả được ghi chép lại vào vở.

- Hiểu cách tăng lợi nhuận cơ bản theo 2 hướng: tăng doanh thu hoặc giảm chi phí, vốn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4: Dùng các thiết bị có kết nối Internet, tham khảo SGK để tra cứu thông tin với các từ khóa về kinh doanh như: tài chính, kinh doanh, vốn, giá cả, chi phí vận hành, doanh thu, lợi nhuận, lãi, lỗ.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS hoạt động nhóm 4 trên giấy A0 để thực hiện hoạt động 1 trong SGK.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu đại diện 1 nhóm hoàn thành nhanh nhất lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện. Các nhóm còn lại chấm chéo bài và nhận xét theo phần chấm của nhóm 1.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của hoạt động 1.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS. | **I. Nội dung chính của chủ đề**  **1. Một số kiến thức về tài chính, kinh doanh**  **\* Tài chính:**  - *Tài chính* là tổng số tiền có được của một cá nhân, một tổ chức, một doanh nghiệp, hoặc một quốc gia.  - Tài chính của một cá nhân được gọi là *tài chính cá nhân.*  **\* Kinh doanh:**  **- Vốn** là số tiền ban đầu bỏ ra.  **- Giá cả** ở đây bao gồm cả giá mua vào và giá bán ra.  **- Chi phí vận hành**: là số tiền bỏ ra để thực hiện việc kinh doanh.  **Điểm khác biệt giữa vốn và CPVH:** vốn chỉ số tiền kinh doanh ban đầu, CPVH để duy trì hoạt động kinh doanh sau đó.  - Tổng số tiền mà ta thu được sau khi kết thúc hoạt động kinh doanh là **doanh thu**.  **- Lợi nhuận:** doanh thu trừ đi vốn và chi phí vận hành  **- Lãi** nếu lợi nhuận của kinh doanh là dương  **- Lỗ** nếu lợi nhuận của kinh doanh là âm.  **\* Cách tăng lợi nhuận kinh doanh:**  - ***Cách 1:*** Tăng doanh thu: tức là sẽ tăng giá sản phẩm lên (không khả thi lắm vì sẽ mất một số khách hàng) hoặc sẽ đưa ra các chiến lược marketing quảng bá sản phẩm của mình để thu hút nhiều người mua hơn.  - ***Cách 2:*** Giảm chi phí vận hành và vốn. Chính là tìm cách có được đơn vị vận chuyển chi phí thấp hơn, tìm nơi nhập hàng giá rẻ hơn,… |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Các em vừa tìm hiểu một số kiến thức về tài chính và kinh doanh. Vậy các em có biết trong kinh doanh, người ta rất quan tâm đến *lợi nhuận.*  Vậy cách tính lợi nhuận là như thế nào?  Yêu cầu HS áp dụng cách tính lợi nhuận vào ví dụ.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thảo luận nhóm, tham khảo SGK  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV quan sát hỗ trợ HS thực hiện các yêu cầu chung của lớp (nhiệt tình, nghiêm túc,…).  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS nêu công thức tính lợi nhuận.  - HS thực hành làm ví dụ.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chốt lại công thức và kết quả ví dụ. | **2. Kiến thức toán học:**  **\* Công thức tính lợi nhuận**   |  | | --- | | **Lợi nhuận = A – ( B + C)** |   *Trong đó, A là doanh thu, B là vốn, C là chi phí vận hành.*  **Ví dụ:** Một cửa hàng bán quần áo nhập về một mẫu váy mới và bán được  chiếc trong tháng đầu tiên với giá  đồng/một chiếc váy. Khi đó, cửa hàng mua vào với giá là  đồng/một chiếc váy. Do tìm được nơi nhập hàng với giá rẻ hơn là đồng/một chiếc váy nên tháng sau cửa hàng đã giảm giá bán còn  đồng/một chiếc váy và bán được chiếc. Hỏi tháng nào cửa hàng thu được nhiều lợi nhuận hơn?  **Lời giải**  Trong tháng đầu tiên, ta thấy:  Số tiền cửa hàng bỏ ra là:  (đồng)  Doanh thu của cửa hàng là:  (đồng)  Lợi nhuận của cửa hàng là:  (đồng)  Trong tháng sau, ta thấy:  Số tiền cửa hàng bỏ ra là:  (đồng)  Doanh thu của cửa hàng là:  (đồng)  Lợi nhuận của cửa hàng là:  (đồng)  Do 6 250 000 > 6 000 000 nên cửa hàng đã thu được nhiều lợi nhuận hơn trong tháng sau. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 theo kĩ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu và mô tả sản phẩm, đối tượng sử dụng sản phẩm, chất lượng cạnh tranh và giá thành sản phẩm (GV đưa ra sản phẩm cụ thể: vở Hồng Hà)  - GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành báo cáo thu thập thông tin về tài chính, kinh doanh qua cha mẹ, người thân, phương tiện thông tin truyền thông.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trình bày, giới thiệu vở Hồng Hà (tại lớp)  - HS tìm hiểu, hoàn thành báo cáo thu hoạch. (về nhà)  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày và trả lời các câu hỏi phản biện.  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động nhóm, mức độ đạt được của sản phẩm nhóm, kĩ năng diễn đạt trình bày của HS. | **3. Kĩ năng tìm kiếm thông tin, trình bày sản phẩm**  Ví dụ: Tìm kiếm thông tin và giới thiệu sản phẩm “vở Hồng Hà”  Graphical user interface, application, website, calendar  Description automatically generated  Gợi ý:  + Mô tả sản phẩm một cách ngắn gọn, chính xác.  + Điểm đặc biệt so với sản phẩm khác cùng loại  + Lợi ích của sản phẩm  + Giá cả, ưu đãi (nếu có)  + Đối tượng sử dụng  + Thông tin liên hệ đặt hàng. |

**Hoạt động 2.2: Thực hành lập kế hoạch kinh doanh** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** HS thực hiện được các bước cơ bản để lập kế hoạch kinh doanh cụ thể.

**b) Nội dung:** Tiến hành các bước lập kế hoạch kinh doanh.

**c) Sản phẩm:** Kế hoạch kinh doanh cụ thể.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV phân chia nhiệm vụ: chia lớp thành 4 nhóm tương ứng với 4 tổ. Mỗi tổ trưởng tương ứng với một nhóm trưởng. HS lựa chọn mặt hàng kinh doanh với số vốn đề ra của mỗi nhóm là đồng. GV có các gợi ý: Đồ dùng học tập, đồ ăn vặt, đồ handmade, phụ kiện, …  GV đưa ra các bước để lập kế hoạch kinh doanh.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS ghi chép các nhiệm vụ cần làm, cách thực hiện  - HS phân chia nhiệm vụ cá nhân, chọn mặt hàng dự kiến.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Các nhóm trưởng lên báo cáo kế hoạch kinh doanh của nhóm mình với GV, đưa ra câu hỏi trong quá trình thực hiện.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, bổ sung cho kế hoạch của từng nhóm hoàn chỉnh hơn. | **4. Lập kế hoạch kinh doanh cụ thể, chi tiết.**  - Lập kế hoạch ghi lại trên giấy (ghi rõ nhiệm vụ, đóng góp, thời gian hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân trong nhóm, phiếu đánh giá cá nhân do nhóm trưởng phụ trách).  - Lựa chọn sản phẩm (mặt hàng kinh doanh). Đăng kí số lượng các mặt hàng muốn bán.  - Lựa chọn hình thức kinh doanh: Trình bày ý tưởng, kế hoạch kinh doanh gồm: ý tưởng kinh doanh, nhu cầu, đối tượng khách hàng, tính tổng số tiền bỏ ra, lợi nhuận dự định.  - Xác định cách thức quảng cáo, thông tin về sản phẩm, bảo đảm các yêu cầu: Sản phẩm đáp ứng nhu cầu gì của khách hàng, giá cả có hợp lí không? Lợi ích của sản phẩm? Khuyến mãi nếu có.  **Yêu cầu:** Tất cả các thành viên trong nhóm đều phải tham gia, bước đầu hoàn thiện yêu cầu mong muốn.  Table  Description automatically generated  **Các tiêu chí đánh giá ban đầu:**  ➀ Kế hoạch chi tiết, rõ ràng, cụ thể.  ➁ Ý tưởng tốt, sáng tạo, thu hút, khả thi, hợp lí.  ➂ Tính toán lợi nhuận chính xác |

**3. Hoạt động 3: Phân chia tiền giả định cho hoạt động kinh doanh** (10 phút)

**a) Mục tiêu:** HS mỗi nhóm nhận tiền giả định, đóng vai người mua hàng khi nhóm khác thực hành kinh doanh.

**b) Nội dung:** Phân chia, tổ chức chia tiền giả định cho HS.

**c) Sản phẩm:** Cách thức các nhóm phân chia tiền giả định kinh doanh. Kết quả phân chia tiền giả định kinh doanh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  ***GV công khai tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm.***  - Nhóm trưởng các nhóm lên nhận tiền giả định của nhóm mình.  - Khi mỗi nhóm thực hành kinh doanh, các nhóm còn lại dùng tiền giả định đóng vai người mua hàng.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS ghi chép các nhiệm vụ cần làm, cách thực hiện  - Các nhóm phân chia nhiệm vụ cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Nhóm trưởng lên báo cáo việc phân chia của từng nhóm.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chốt lại các nhiệm vụ. | **5. Phân chia tiền giả định**  - Mỗi nhóm được nhận 500 000 đồng giả định để thực hiện nhiệm vụ mua hàng. Các nhóm phân chia đều cho các thành viên và mua hàng theo nhu cầu của riêng mình và giải thích lí do vì sao mua món hàng đó.  Quy định hệ thống tiền giả định: Bìa màu A4 cắt nhỏ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiền giả định | Giá trị tương ứng | Số lượng (tờ) | |  | 1 000 đồng | 30 | |  | 2 000 đồng | 35 | |  | 5 000 đồng | 20 | |  | 10 000 đồng | 10 | |  | 20 000 đồng | 5 | |  | 50 000 đồng | 2 | |

**4. Hoạt động 4: Thực hành bán hàng của các nhóm** (10 phút/nhóm)

**a) Mục tiêu:** Các nhóm được thực hành trải nghiệm hoạt động kinh doanh.

**b) Nội dung:** HS mỗi nhóm thực hiện hoạt động kinh doanh đã chuẩn bị từ tiết trước.

**c) Sản phẩm:** Các mặt hàng kinh doanh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Nhóm kinh doanh chuẩn bị bán hàng, nhóm mua hàng chuẩn bị tiền giả định mua hàng.  - Thứ tự thực hiện bán hàng: nhóm 1- nhóm 2- nhóm 3- nhóm 4.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Nhóm kinh doanh chuẩn bị sản phẩm kinh doanh để bày bán trên mặt bàn, sử dụng các kĩ năng marketing để bán hàng.  - Nhóm mua hàng đóng vai người mua hàng, đi mua hàng theo nhu cầu và sở thích.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS thực hành kinh doanh và mua hàng.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chốt lại các hoạt động của các nhóm. | **6. Thực hành bán hàng.**  - Nhóm kinh doanh chuẩn bị sản phẩm kinh doanh để bày bán trên mặt bàn, sử dụng các kĩ năng marketing để bán hàng.  - Nhóm mua hàng mỗi nhóm được nhận 500 000 đồng giả định để thực hiện nhiệm vụ mua hàng. Các nhóm phân chia đều cho các thành viên và mua hàng theo nhu cầu của riêng mình và giải thích lí do vì sao em mua món hàng đó. |

**Tiết 2:**

**5. Hoạt động 5: Thực hành tính lợi nhuận thực tế (6 phút)**

**a) Mục tiêu:** Các nhóm được thực hành tính lợi nhuận thực tế trong hoạt động kinh doanh.

**b) Nội dung:** HS mỗi nhóm thực hiện tính lợi nhuận của hoạt động kinh doanh tiết trước.

**c) Sản phẩm:** Lợi nhuận các nhóm thu được.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  Mỗi nhóm dựa vào số liệu kinh doanh của tiết trước, tính toán lợi nhuận cho hoạt động kinh doanh đó.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Các nhóm dựa vào kiến thức tính lợi nhuận của tiết trước để tính toán lợi nhuận thực tế của nhóm mình.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Nhóm trưởng báo cáo kết quả của nhóm mình.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét lãi, lỗ của hoạt động kinh doanh của các nhóm. | **7. Tính toán lợi nhuận kinh doanh thực tế**  Công thức tính lợi nhuận:   |  | | --- | | **Lợi nhuận = A – ( B + C)** |   *Trong đó, A là doanh thu, B là vốn, C là chi phí vận hành.* |

**6. Hoạt động 6: Báo cáo ý tưởng, kế hoạch kinh doanh (8 phút/nhóm)**

**a) Mục tiêu:** Các nhóm trình bày các ý tưởng và kế hoạch kinh doanh.

**b) Nội dung:** HS mỗi nhóm thuyết trình ý tưởng và kế hoạch kinh doanh vừa thực hiện.

**c) Sản phẩm:** Báo cáo kinh doanh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  Dựa vào kế hoạch đã lập tiết trước, các nhóm báo cáo trước lớp kế hoạch và ý tưởng kinh doanh của mình.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Đại diện các nhóm lần lượt lên trình bày.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Nhóm trưởng báo cáo kết quả của nhóm mình.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét kế hoạch, ý tưởng kinh doanh của các nhóm. | **8. Báo cáo ý tưởng và kế hoạch kinh doanh.**  - Xác định sản phẩm kinh doanh, tìm hiểu thống kê mặt hàng và giá gốc.  - Xác định đối tượng, nhu cầu khách hàng, mục tiêu kinh doanh.  - Xác định thành phần nhân viên.  - Lên kế hoạch Marketing, quảng cáo sản phẩm.  - Xác định nguồn vốn bỏ ra, thành phần, số lượng mỗi sản phẩm, dự kiến lợi nhuận.  - Báo cáo lợi nhuận thực tế: Hoàn thiện bảng tính doanh thu và lợi nhuận.  Calendar  Description automatically generated with low confidence |

**7. Hoạt động 7: Nhận xét, đánh giá (7 phút)**

**a) Mục tiêu:** Nhận xét và đánh giá các nhóm.

**b) Nội dung:**

- GV nhận xét hai nhóm, các nhóm nhận xét lẫn nhau

**c) Sản phẩm:**

- Đánh giá hoạt động kinh doanh của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Các nhóm tự đánh giá nhóm mình và đánh giá nhóm bạn với các tiêu chí đã cho.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - GV phát phiếu đánh giá cho các nhóm.  - HS phát biểu và điền phiếu đánh giá  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Nhóm trưởng báo cáo kết quả của nhóm mình.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chốt nhận xét đánh giá từng nhóm. | **9. Nhận xét, góp ý.**  Đánh giá theo bảng đánh giá tiêu chí kèm theo |

**Hướng dẫn tự học ở nhà:**

- Dựa trên các ý tưởng kinh doanh đã thực hiện, rút kinh nghiệm từ bài học đầu tư kinh doanh đầu tiên, HS sẽ tự xây dựng một ý tưởng kinh doanh hoàn chỉnh và nộp kế hoạch cho GV.

**- *Gợi ý:*** Phong bao lì xì tết; tất Noel, hội chợ ẩm thực,…

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM**

Nhóm: …………………… Lớp:……………………………………………………………

Tên hoạt động: ……………………………………………………………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục đánh giá** | **Tiêu chí** | | |
| **Chi tiết** | **Điểm tối đa** | **Kết quả** |
| 1.Đánh giá quá trình hoạt động của nhóm  *(Điểm tối đa 20)* | 1. Sự tham gia của các thành viên: Tham gia đầy đủ | 10 |  |
| 2. Sự hợp tác của các thanh viên: Tinh thần hợp tác tốt | 10 |  |
| 2. Đánh giá bài thuyết trình kế hoạch của nhóm  *(Điểm tối đa 30)* | 1. Ý tưởng: thu hút, sáng tạo, khả thi | 10 |  |
| 2. Nội dung: kế hoạch rõ ràng, chi tiết, cụ thể, tính toán chính xác | 10 |  |
| 3. Trình bày: mạch lạc, cuốn hút, thuyết phục | 10 |  |
| 3. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh  *(Điểm tối đa 50)* | 1.Marketing | 20 |  |
| 2. Lợi nhuận | 20 |  |
| 3. Kêu gọi nhà đầu tư | 10 |  |
| **TỔNG ĐIỂM** | | 100 |  |

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN**

Họ và tên:………………………………………………………

Nhóm:………………………………………………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung đánh giá | Điểm tối đa | HS tự cho điểm |
| *1. Tham gia các buổi họp nhóm*  - Đầy đủ  - Thường xuyên  - Một vài buổi  - Không buổi nào | *15*  15  10  5  0 |  |
| *2. Tham gia đóng góp ý kiến*  - Tích cực  - Thường xuyên  - Thỉnh thoảng  - Không bao giờ | *15*  15  10  5  0 |  |
| *3. Hoàn thành phần công việc của nhóm giao đúng thời hạn*  - Luôn luôn  - Thường xuyên  - Thỉnh thoảng  - Không bao giờ | *20*  20  15  10  0 |  |
| *4. Hoàn thành công việc của nhóm giao có chất lượng*  - Luôn luôn  - Thường xuyên  - Thỉnh thoảng  - Không bao giờ | *20*  20  15  10  0 |  |
| *5. Có ý tưởng mới, hay, sáng tạo đóng góp cho nhóm*  - Luôn luôn  - Thường xuyên  - Thỉnh thoảng  - Không bao giờ | *15*  15  10  5  0 |  |
| *6. Hợp tác tốt với các thành viên khác trong nhóm*  - Tốt  - Bình thường  - Không được tốt | *15*  15  10  5 |  |
| **Tổng điểm** | **100** |  |

**Tiêu chuẩn đánh giá:**

- Từ 80-100 điểm: Loại tốt

- Từ 60-79 điểm: Loại khá

- Từ 40-69 điểm: Loại trung bình

- Dưới 49 điểm: Loại yếu

**GỢI Ý HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐỒ DÙNG HỌC TẬP**

***Bước 1***: Xác định đối tượng, nhu cầu khách hàng:

+ Đối tượng khách hàng hướng tới: Học sinh trong toàn trường.

+ Lí do: HS thường xuyên quên mang đồ dùng học tập, mất đồ dùng khi học, đang học mà hết vở,...

Phân tích: Trong thời gian học thì học sinh không được ra khỏi trường.

+ Mục tiêu: cung cấp đồ dùng học tập kịp thời.

***Bước 2:*** Xác định sản phẩm kinh doanh: Đồ dùng học tập của học sinh

Graphical user interface

Description automatically generated A picture containing text, stationary, envelope

Description automatically generated A picture containing text

Description automatically generated A picture containing text, stationary, pencil

Description automatically generated

ĐỒ DÙNG HỌC TẬP

***Bước 3:*** Chọn nguồn cung cấp hàng: Đại lí lớn hàng văn phòng phẩm

Tìm hiểu thống kê mặt hàng và giá gốc:

|  |  |
| --- | --- |
| MẶT HÀNG | GIÁ GỐC |
| Bút bi TL - 027 các màu | 2 200 đồng |
| Vở Hồng Hà 72 trang | 4 500 đồng |
| Bộ thước ê ke | 3 500 đồng |
| Bút chì | 2 500 đồng |

***Bước 4:*** Lên kế hoạch marketing, quảng cáo sản phẩm:

+ Đăng bài lên group có nhiều học sinh trong trường.

* Cách thức liên hệ mua hàng
* Giao hàng nhanh chóng, kịp thời: Học sinh trong nhóm của trường.
* Đủ những đồ dùng cơ bản cần thiết
* ***Ưu đãi:*** mua theo combo: bút + vở + bộ ê ke; combo: 1 hộp bút, 10 quyển vở sẽ được tặng bộ ê ke,…

+ Truyền miệng: Thông báo với các bạn bè các lớp khác, nhờ các bạn bè thông báo cho các bạn khác trong trường.

***Bước 5:*** Dự kiến lợi nhuận:

Giả sử vốn ban đầu là: 500 000 đồng và dự kiến chi tiết số lượng, giá cả sản phẩm, lợi nhuận khi kinh doanh trong 1 tháng như trong bảng:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Sản phẩm** | **Giá mua vào**  **(đồng)** | **Số lượng mua** | **Giá bán ra**  **(đồng)** | **Số lượng bán** | **Lợi nhuận** |
| Bút bi TL - 027 các màu | 2 200 | 100 | 4 000 | 100 | **180.000** |
| Vở Hồng Hà 72 trang | 4 500 | 30 | 6 000 | 30 | **45.000** |
| Bộ thước ê ke | 3 500 | 20 | 5 000 | 20 | **30.000** |
| Bút chì | 2 500 | 30 | 4 000 | 30 | **45.000** |
| **Tổng tiền** | **500.000** | | **800.000** | | **300.000** |

Rút kinh nghiệm bài học:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………